



ENDO SHUSAKU

Những bà mẹ

Nguyễn Nam Trân dịch

NHỮNG BÀ MẸ

ENDO SHUSAKU

Nguyễn Nam Trân dịch



những bà mẹ

Endo Shusaku

Người dịch: Nguyễn Nam Trân

Bìa: *Buffet Bernard*

Nguồn: *Chim Việt cảnh Nam*

những bà mẹ

ENDO SHUSAKU

Người dịch: Nguyễn Nam Trân

**Tạp chí *CHIM VIỆT CẢNH NAM*
số 93 * 15-04-2024**



Hình ảnh Đức Mẹ Maria
của Thiên Chúa Giáo

Chiều tối, tôi đến được bến cảng. Chiếc phà vẫn chưa tới. Đứng trên bờ kè nhỏ, tôi nhìn những đợt sóng con màu xám – bông bênh mọi thứ rác rưởi từ những cọng rơm cho đến lá rau xanh – tấp vào thành cầu tàu và gây ra tiếng động nhỏ như khi một chú chó con liếm nước. Khoảng đất trống phía đối diện nơi một chiếc xe vận tải đang đậu có hai nhà kho. Đằng trước chúng là cái bóng đỏ sậm của gã đàn ông nào đó đứng loay hoay bên cạnh đồng lửa cháy.

Trong phòng đợi, năm sáu người đàn ông, cư dân trong vùng, chân đi ủng cao cổ, ngồi trên một chiếc băng dài, nhẫn nại chờ giờ phòng bán vé mở cửa. Tuy dưới chân họ đã la liệt những thùng đầy

nhóc cá và rương hòm cũ kỹ, lại còn thấy
ngón ngang vài cái lông mà họ đã dồn gà
vào đến chật kín. Từ kẽ hở của lông gà,
mấy con vật đang cố gắng thò ra cái cần
cổ dài ngoẵng, trông khổ sở đến tội ng-
hiệp. Bọn đàn ông ngồi trên chiếc băng
dài tuy không nói năng gì nhưng lâu lâu
vẫn gửi về phía tôi những tia nhìn dò xét.

Tôi có cảm tưởng mình từng thấy
quang cảnh này ở đâu rồi, có lẽ là trong
một tập tranh vẽ của người phương Tây.
Thế nhưng tôi không thể nhớ là tranh
của ai và tôi đã nhìn thấy nó vào lúc nào.

Bên kia biển có ánh đèn lơ mờ từ
hòn đảo màu xám đang trải dài ra trước
mặt. Có tiếng chó sủa vọng lại nhưng tôi
cũng không rõ nó đến từ hòn đảo đó hay
từ bờ bên này.

Một bộ phận giống như đèn đuốc đang từ từ di động. Mãi sau tôi mới nhận ra đó là ánh đèn của chiếc phà đang trôi về hướng này. Rốt cuộc thì phòng bán vé đi phà cũng mở cửa và những người đàn ông đi ủng cao nầy giờ ngồi trên chiếc băng dài trong phòng đợi đều đã đứng dậy sắp hàng để mua. Khi tôi đến chờ đằng sau lưng họ, mùi tanh của cá đã ập vào mũi. Tôi từng nghe nói người dân trên hòn đảo kia sống phân nửa thời giờ bằng nghề nông và phân nửa bằng nghề đánh cá.

Khuôn mặt họ đều tựa tựa nhau. Có lẽ vì xương gò má nhô cao hay sao mà đôi mắt lõm sâu vào, làm cảm tình không bộc lộ ra ngoài, khiến cho họ có cái nhìn như là sợ sệt. Sự sợ hãi thấy nơi những người dân bản địa này hình như đã được tạo thành từ sự gian dối lẫn tính nhút

nhất. Sở dĩ tôi nghĩ như thế vì trong thời gian dài chờ có cơ hội làm cuộc hành trình này, tôi đã nghe nói về kiểu nhìn của họ từ những người đi trước. Bề gì thì từ thời Edo, dân chúng trên đảo đều là những kẻ có cuộc sống khó khăn, chẳng những nghèo đói mà phải làm toàn công việc nặng nhọc, lại còn chịu bức hại vì đã dám theo tà đạo.

Mãi rồi tôi cũng được lên phà và rời bến cảng. Ngoài chiếc phà mỗi ngày ba bận làm gạch nối giữa đất liền phía Kyushu và hòn đảo nhỏ đó, không còn phương tiện giao thông nào khác. Người ta còn nói là cho đến hai năm trước, chiếc phà chỉ khứ hồi mỗi ngày hai bận, một buổi sáng một buổi chiều.

Nói là phà chứ nó chỉ là một chiếc thuyền dùng chở súc vật hay hàng hóa nên không có ghế. Hành khách đành

phải đứng giữa những chiếc xe đạp, thùng cá và rương hòm cũ kỹ, để cho những ngọn gió biển lạnh lẽo thổi qua cửa sổ tấp vào mặt. Nếu là ở Tôkyô thì chắc chắn đã có kẻ lên tiếng cản nhần hay mắng mỏ, nhưng ở đây, ai nấy đều giữ im lặng. Chỉ nghe mỗi tiếng động cơ của chiếc phà chứ ngay đám gà què bị giam trong những cái lồng lẫn lóc dưới chân hành khách cũng không dám hó hé điều gì. Chỉ khi mũi giày của họ hơi lấn tới và chạm phải thì chúng mới tỏ vẻ sợ hãi. Tôi thấy buồn cười là sự sợ hãi của chúng trông không khác gì vẻ mặt sợ hãi của mấy ông khách ngồi đợi phà trên bến khi này.

 Gió thổi càng lúc càng mạnh, biển màu đen và sóng cũng đen. Bao lần tôi đã dợm châm điếu thuốc nhưng dù làm cách nào, diêm cũng không bắt lửa vì gió

thối quá rát. Để khỏi tổn diêm vô ích, tôi đành vứt điều thuốc đầu đã ướm nước dãi ra ngoài thành phà. Gió mạnh đến nỗi tôi nghĩ là có khi chiếc phà này không biết sẽ trôi dạt về đâu. Hôm nay suốt nửa ngày trời, tôi đã phải ngồi lắc lư trên xe buýt từ Nagasaki đến đây. Vì mệt mỏi, từ vai đến lưng hầu như đông cứng, tôi bèn sụp mi mắt xuống để đôi tai mình chìm vào trong tiếng máy của chiếc phà.

Bao lần âm hưởng động cơ bỗng nhiên yếu hẳn trong vùng biển đen kịt, thế rồi nó cũng bất chợt tìm lại khí thế, nhưng được một lúc thì lại chùng lảng. Nghe sự thay đổi nhịp điệu ấy độ vài lần thì khi mắt vừa mở ra trở lại, tôi đã thấy ánh đèn trên đảo đang áp sát vào người.

– Ê ê!

Có ai đang gọi:

– Anh Watanabe có đó không đấy?
Ném hộ sợi thừng nào!

Sau đó tôi đã nghe vọng lại tiếng kêu nặng nề của chùm dây thừng được ném lên trên cầu tàu.

Nhóm người sống trong vùng lần lượt rời chiếc phà. Mùi cá tanh hòa vào trong bầu không khí lạnh lẽo của trời đêm. Ra khỏi cửa soát vé, tôi thấy có năm sáu gian hàng bán đồ khô hay sản vật địa phương. Hình như vùng này vốn nổi tiếng với loại cá khô tên gọi Ago tức là khô làm từ giống cá bay (tobiuo). Một người đàn ông đi ủng cao và đeo tạp dề lao động (jumper) đang đứng đằng trước một cửa tiệm. Sau khi đã chăm chú nhìn đám hành khách đi ngang qua cửa soát vé, ông ta tiến về phía tôi và nói:

– Cảm ơn Sensei-sama (ông thầy) đã không quản ngại đường xa. Nhà cháu là người được giáo hội gửi đến để đón thầy đấy ạ!

Ông kính cẩn cúi đầu chào tôi đến không biết mấy bận làm tôi đâm phát ngại. Thế rồi, ông giành cầm hộ cho được cái cặp tôi đang mang theo. Cố từ chối bao nhiêu, ông cũng không chịu thả. Khi tay ông chạm vào tay, tôi cảm thấy cánh tay ông thật rắn chắc và to lớn, chẳng khác nào rễ cây khô. Nó hoàn toàn khác với những cánh tay ẩm ướt và mềm nhão của đám tín đồ tôi quen biết ở Tôkyô.

Cho dù chúng tôi đi chung suốt quãng đường khá dài, ông vẫn khăng khăng giữ một cự ly, lẻo đẻo sau lưng cách tôi một bước. Tôi nhớ lại cách gọi Sensei-sama kính cẩn ông dùng trong câu chào khi này mà đâm lo. Có thể đây chỉ là cách

xưng hô của dân địa phương lúc họ đang đứng trước một kẻ mà họ còn chưa tin tưởng.

Mùi tanh của cá vẫn còn phảng phất quanh đây dù chúng tôi đã đi khỏi bến phà khá xa. Cái mùi ấy như đã thấm hẳn vào bên trong những ngôi nhà mái thấp viền hai bên con đường hẹp này và tôi tưởng chừng cái mùi ấy từng bám vào đấy từ lâu đời. Khác với hồi nãy, bây giờ thì những ánh đèn lơ mờ tôi đang nhìn thấy bên kia mặt biển lại là ánh đèn của hòn đảo lớn Kyushu.

– Này ông, cha xứ mạnh giỏi không đấy? Nhận được thư cha, tôi đã tức tốc bay xuống đây...

Tôi không nghe từ sau lưng một tiếng trả lời nào. Tôi những lo không biết mình có vừa làm điều gì thất thổ, nhưng hình

như không phải vậy. Có lẽ là ông ta còn có gì ngần ngại hoặc không muốn nhiều lời vô ích. Cũng có thể đó là thói quen có từ lâu đời của dân cư trên đảo vốn rất cẩn thận trong khi phát biểu. Nhất là khi họ nghĩ rằng đây là cách thức hay nhất để giữ cho mình được yên ổn.

✱

Tôi từng gặp vị cha xứ nói trên ở Tôkyô. Nhân vì hồi đó, tôi đang viết mấy cuốn tiểu thuyết dùng cuộc sống của người Kirishitan (tín đồ Cơ Đốc) làm bối cảnh, còn ông thì từ đảo Kyushu mới lên và chúng tôi đã gặp nhau trong một buổi tiếp tân. Chính tôi là người tiến đến gợi chuyện với ông về đề tài này. Ông cũng có đôi mắt sâu hóm và gò má nhô cao, nghĩa là khuôn mặt với những đặc điểm

của đám ngư dân trên đảo. Đứng lẫn vào giữa các chức sắc quyền thế như các linh mục và nữ tu ở Tôkyô, có lẽ vì nhút nhát nên dù được bắt chuyện, ông chỉ biểu lộ sự e dè và đã trả lời rất ít. Về điểm này, giữa ông và người đang cặp giùm cái cặp đi sau lưng tôi, hoàn toàn không có gì khác.

– Thừa cha, thế cha có biết đức cha Fukabori chứ nhỉ?

Năm trước, tôi đã mất một tiếng đồng hồ xe buýt để đi từ Nagasaki đến một ngôi làng chài và ở đó, tôi đã được vị cha xứ tên là Fukabori giúp đỡ tận tình trong việc thu thập tư liệu cho đề tài. Ông vốn là người lớn lên ở xóm Uragami – chỗ ven bãi nên đã đưa tôi ra biển dạy cách câu cá ngoài khơi. Ông còn đem tôi đến thăm những gia đình Kakure Kirishitan vốn vẫn ngoan cường

không chịu “trở lại đạo” (tái cải tông, re-conversion: Ý nói hành động rời bỏ lối sống khép kín và những tập quán đặc thù của họ để gia nhập vào tổ chức của Giáo hội Công giáo hiện tại.). Dĩ nhiên, tôn giáo mà những người “Cơ Đốc ẩn náu” (Kakure Kirishitan¹) này tin theo vốn có một khoảng cách so với lòng tin “Cơ Đốc Giáo đích thực” vốn đã bị chính quyền cấm cản suốt một thời gian dài khi Nhật Bản bế quan tỏa cảng (sakoku). Không những thế, đạo của họ còn pha lẫn một ít Thần đạo, Phật giáo cũng như vài tín ngưỡng dân gian khác (thổ tục giáo) kể cả đôi ba điều mê tín nữa. Do đó, suốt một dải từ Nagasaki cho đến Goto, Ikit-suki², nơi họ sống rải rác, việc đưa đám

1 Kakure = ẩn nấp, trốn tránh. Kirishitan (Christian) = tín đồ đạo Cơ Đốc thời Edo, một cách gọi có tính lịch sử, phát âm theo tiếng Bồ Đào Nha. Người Kakure chỉ là một nhóm đặc biệt của các Kirishitan.

2 Goto (quần đảo nằm ở ngoài khơi phía Tây thành phố Nagasaki và Ikitsuki phía Bắc nó cũng như cảng Hirado đều là

người này “trở lại đạo” vẫn là mục đích của giáo hội địa phương, những kẻ kế thừa nhiệm vụ của giáo sĩ Petitjean, người đã đến đây vào thời Meiji.

– Lúc ấy, đức cha còn cho tôi tá túc ở nhà thờ nữa đấy!

Tuy tôi định nắm lấy mỗi dây của câu chuyện để gỡ nó ra nhưng người đứng đằng trước vẫn nắm chặt cái cốc đựng nước hoa quả (juice) trong bàn tay và chỉ trả lời bằng mấy tiếng vâng, vâng... cụt ngủn.

– Thế thì trong giáo phận nơi cha quản hạt, có người Kakure không vậy?

– Vâng có.

– Đạo này đám đó được đưa lên đài truyền hình và được trả với giá khá cao những địa danh gắn bó với lịch sử người Công giáo Nhật Bản.

nên họ cũng đã vui vẻ xuất hiện ấy nhỉ?. Cái ông già được đức cha Fukabori giới thiệu cứ tưởng như đang đóng vai nhà bình luận trong một tiết mục trình diễn. Có thể nào mình đi gặp được mấy người Kakure như thế không cha?

– Chà, coi bộ hơi khó đấy, thầy!

Cuộc đối thoại chấm dứt nơi đây và tôi đã để ông ngay đó rồi rời đi chỗ khác. Tôi định bụng kiếm một người nào để bắt chuyện hơn ông.

Thế nhưng điều tôi không ngờ là khoảng một tháng trước đây, tôi đã nhận được lá thư đến từ ông cha xứ miệt vườn tính tình chất phác này. Lá thư đã bắt đầu bằng mấy chữ “Bình an trong Thiên Chúa” vốn là câu giáo đầu mà người Cơ Đốc hay dùng. Trong thư, ông cho biết là sau khi thuyết phục thành công nhóm

người Kakure sống trong giáo phận mình quản hạt, ông đã được họ cho xem các bản sao chụp hình ảnh Thần Chủ (Thần Nhà Kho, Nandogami³) lẫn những tấm sớ dùng để cầu nguyện (Orasho, Oratio). Điều tôi không ngờ là nét chữ trong thư lại được viết hết sức chẵn chu.

*

– Trong xóm này có người Kakure nào sống không ông?

Khi tôi quay đầu lại để hỏi thăm, chỉ thấy người đàn ông nọ lắc đầu:

– Thưa, không ạ! Họ sống trên núi CƠ.

3 Thần Nandogami (Nando = Nhà kho, nơi cất giữ của cải) đối với người Kakure Kirishitan giống như các vị thần Ebisu và Daigoku của người Nhật vốn là thần bảo vệ gia đình của chủ nhà. Thường được biết qua một bức tranh vẽ hình Đức Mẹ bế Chúa Hải Đồng.

Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã đến được nhà thờ. Đứng đợi sẵn ở đó là một người đàn ông mặc chiếc áo chùng đen (soutane⁴) và một thanh niên bên cạnh chiếc xe đạp.

Dù trước đây chỉ mới một lần thôi nhưng dù sao cũng gọi là đã được gặp ông, tôi mới cất tiếng chào hỏi cha xứ một cách thân mật. Thế nhưng người đứng đối diện lại ra chiều bối rối và đưa mắt hết nhìn cái ông được cử ra đón tôi đến anh thanh niên nọ. Lý do là tôi đã bé cái lắm. Tôi quen khuấy là khác với Tôkyô hay Ôsaka, ở những địa phương như nơi đây, một người được gọi là đức cha (shimpu-sama) thường kiêm cả vai trò thôn trưởng trong vùng và nhiều khi

4 Áo chùng dài đến chân của chức sắc Cơ Đốc giáo, dùng để phân biệt họ với những người thuộc giáo phái khác như Tin Lành, Sa Bát. Nguyên ngữ tiếng Ý là Sottana. Ở Pháp từ năm 1852, các tu sĩ ấy phải mặc thường xuyên nhưng ở Nhật thì chỉ cần mặc khi hành lễ.

còn được tôn kính hơn nữa, đến mức người ta xem ông là một tiểu lãnh chúa.

Cha xú ra lệnh cho chàng thanh niên:

– Này Jirô. Chú đi báo cho Nakamurasan biết là Sensei đã đến nơi rồi đấy!

– Con sẽ báo ông ta tới ngay.

Anh thanh niên cung kính cúi đầu, trèo lên chiếc xe đạp rồi tức thời biến mất trong màn đêm.

– Thừa cha, thế làng của người Kakure nằm ở đâu ạ?

Trước câu hỏi tôi đặt ra, cha xú đã chỉ cho tôi một con đường hoàn toàn ngược với đường đi đã có từ trước đến giờ. Nhìn lên, không biết có phải vì núi non che chắn hay sao mà nơi đó, dù một

ánh đèn tôi cũng không thấy. Vào thời tôn giáo bị bức hại, những người “Cơ Đốc ẩn nấp” này, để tranh tai mắt của các viên nha lại, đã chọn những chỗ trên núi hay ngoài biển khó truy lùng nhất để sinh sống. Nơi mà cha xứ vừa chỉ cho tôi chắc không có gì khác. Nghĩ đến tấm thân không mấy khỏe khoắn của mình, tôi tự nhủ ngày mai thì có hơi kíp, mình chớ vội đi. Bảy năm về trước, tôi nhờ giải phẫu lồng ngực mới lành bệnh phổi nên giờ hãy còn chưa đủ tự tin về thể lực.

Tôi chiêm bao thấy mẹ tôi. Hình như giấc mơ đến với tôi vào lúc vừa được người ta chuyển vào phòng sau khi mổ xong lồng ngực. Họ đã đặt tôi xuống mặt giường như một cây chết. Lỗ mũi tôi được nối bằng ống cao su với bình chứa dưỡng khí, còn cánh tay phải và cả chân phải nữa, đều bị cắm nhiều kim chích.

Cũng vì lúc đó bên cạnh giường bệnh có treo lủng lẳng một bình đựng dung dịch máu và nhà thương đang tiếp huyết cho tôi.

Nhất định là thần trí tôi đang ở trong trạng thái mê mông nhưng trong cái bản thân do thuốc mê gây ra, tôi vẫn cảm thấy có một cái bóng xám xám thấp thoáng bên người và nắm lấy tay mình. Đó là bóng của mẹ tôi. Lạ lùng là khi đó, trong phòng bệnh này không có một bác sĩ nào hay bà vợ của tôi.

Cho đến nay, tôi đã bao phen thấy giấc mộng như thế rồi. Nhiều khi, sau khi tỉnh giấc, tôi vẫn chưa phân biệt cái mình vừa thấy là mộng hay thực nên đã nằm thờ thẫn trên giường cả một lúc lâu. Sau đó, tôi mới chợt nhận ra là đang ở nhà mình chứ không phải là trong cái bệnh viện mà tôi đã phải nằm đến ba

nằm trời. Thành thử, khi ý thức được điều đó, nhiều lần tôi không nén nổi tiếng thở dài.

Tôi không hé môi cho vợ tôi hay câu chuyện giấc mơ đó. Tình thực mà nói, bà là người mà, sau ba cuộc giải phẫu, đã canh giấc cho tôi thâu đêm và không được chợp mắt một giờ. Thế mà trong giấc mơ kia, tôi chưa lần nào thấy sự có mặt của bà và điều đó đã làm cho tôi cảm thấy mình có lỗi. Tuy vậy, nói cho cùng, thì trong nơi sâu thẳm của hồn mình, tôi chưa bao giờ để ý đến sự tồn tại của bà. Chẳng qua là sự gắn bó chặt chẽ giữa tôi với mẹ đã khiến cho ngay hôm nay – tức hai mươi năm sau ngày húy nhật – mẹ tôi vẫn còn đó và bao lần đã hiện ra trong giấc mộng dù tôi không thích điều đó chút nào.

Là một người không rành rẽ về khoa phân tâm học, tôi khó lòng hiểu được ý nghĩa của giấc mơ ấy. Kỳ thực, khi chiêm bao, tôi cũng không thấy rõ gương mặt của mẹ tôi. Ngay những cử động trong đó cũng không rõ ràng. Về sau tôi mới nghĩ ra rằng, đó là hình ảnh của một người “có vẻ” là bà mẹ nhưng tôi không thể đoán chắc người ấy là mẹ của tôi. Duy có một điều chắc chắn, người ấy không phải là vợ tôi cũng như cô tháp tùng hay cô khán hộ, và dĩ nhiên không phải một ông bác sĩ nào cả.

Qua những gì tôi còn giữ trong ký ức thì ngay khi còn thơ ấu, cả trong thời gian đau ốm, tôi cũng chưa hề trải qua kinh nghiệm được mẹ nắm chặt bàn tay mình để đưa tôi đi vào giấc ngủ. Ngày thường, hình ảnh tôi dễ nhận ra nhất nơi

bà là một người đàn bà sống rất mãnh liệt.

Hồi tôi lên năm, vì công ăn việc làm của cha tôi, gia đình đã dời qua thành phố Đại Liên (Dalian) bên Mãn Châu. Cái còn hiện ra rõ ràng nhất trong óc tôi là những giọt nước nhỏ xuống và đóng thành băng (băng trụ, tsurara) giống như hàm răng cá bên cửa sổ ngôi nhà nhỏ của chúng tôi. Bầu trời màu xám chì tưởng chừng như sắp có tuyết rơi nhưng chờ mãi chẳng thấy tuyết đâu. Trong căn phòng be bé diện tích chừng sáu chiếu tatami, mẹ tôi đang tập chơi vĩ cầm (violin). Đã mấy tiếng đồng hồ rồi mà bà vẫn chơi đi chơi lại mỗi một khúc nhạc. Chiếc vĩ cầm vẫn tựa vào dưới cằm và khuôn mặt bà cứng lại giống như phiến đá, còn đôi mắt thì nhìn đăm đăm vào một điểm cố định trong không gian. Bà

đang chú tâm để tìm cho ra cái điểm mà mình muốn, bắt cho được nốt nhạc duy nhất trong cội hư vô ấy. Khi vẫn không tìm ra âm tố mình muốn, bà đã thở dốc và cúi kính đẽ cái mã vĩ để tiếp tục ép nó chuyển động trên mấy sợi dây đàn. Tôi biết rằng dưới cảm của bà có một chỗ màu nâu vì bị chai sần tựa như vết bầm. Lý do là một phần, từ hồi còn ngồi trên ghế trường âm nhạc, bà đã có thói quen lèn cây vĩ cầm vào dưới cảm, phần khác vì hay đưa năm đầu ngón tay sờ vào đó làm cho nó dần dần cứng lại như đá. Bà đã đẽ ép sợi dây đàn cả nghìn lần như thế chỉ vì muốn tìm cho được âm sắc mình mong muốn.

Đó là hình ảnh bà mẹ tôi có lúc tôi là học trò tiểu học. Hình ảnh người mẹ trong lòng tôi lúc đó là một phụ nữ bị chồng ruồng rẫy đang ngồi bất động như

pho tượng đá trên chiếc trường kỷ (sofa) trong căn phòng tù mù lúc hoàng hôn bắt đầu phủ bức màn xám lên thành phố Đại Liên. Cảnh tượng người mẹ phải làm như thế để dồn nén những nỗi khổ tâm đã khiến cho một đứa trẻ như tôi đau đớn không biết chừng nào. Ngồi bên cạnh bà, tôi giả vờ đem những bài tập cho về nhà ra làm nhưng tất cả đầu óc tôi chỉ hướng mỗi về bà. Vì không rõ sự tình khó khăn đến mức độ nào, nên khi bà cúi mặt, chống hai bàn tay lên đỡ lấy đầu một cách khổ sở thì hình ảnh đó, ngược lại, đã phản chiếu trong tôi, khiến cho tôi cảm thấy cay đắng vô vàn vì không biết mình phải xử trí làm sao.

Cảnh tượng u ám như thế đã diễn ra từ mùa thu bước qua mùa đông. Không còn muốn nhìn thấy mẹ mình mỗi ngày trong gian phòng u ám với tư thế đó nên

buổi chiều khi đi học về, tôi cứ đi lê la, thất tha thất thểu. Tôi đã theo chân ông lão hàng rong người Bạch Nga bán bánh mì Nga (Russian pan) không biết đến tận vùng nào. Rốt cuộc, mãi đến khi mặt trời sắp tắt, tôi mới đứng lại bên vệ đường và đá lăn những viên sỏi nhỏ rồi chọn con đường về hướng nhà mình.

– Này, mẹ của con đó, nghe con...

Một hôm, không hiểu tại sao cha tôi lại dắt tôi theo khi đi tản bộ, một chuyện năm thì mười họa mới xảy ra. Ông đã bất ngờ ngỏ lời với tôi như thế.

– Mẹ của con có việc quan trọng phải trở về Nhật... Thế con có muốn đi cùng mẹ không nào?

Nhìn mặt cha, tôi hiểu là ông đang nói dối theo kiểu người lớn. Tôi chỉ trả lời

vâng và chỉ một tiếng một đó thôi. Bước sau lưng ông, lúc ấy tôi đã đã không biết bao nhiêu là viên sỏi nhỏ nhưng miệng thì vẫn ngậm cầm. Vào tháng sau, mẹ đã dắt tôi lên tàu thủy đi từ Đại Liên về Kobe và nương nhờ nơi người chị của bà.

Nói về bà mẹ thời tôi học trung học ư? Tôi có rất nhiều chuyện để kể về giai đoạn đó nhưng có thể tóm tắt trong một điểm. Giống như thời xưa khi bà đánh đi đánh lại một điệu nhạc trên cây vĩ cầm để tìm cho ra cái nốt nhạc mình mong muốn, lúc đó bà chỉ theo đuổi một tôn giáo duy nhất mình hằng chờ đợi bằng cách sống một cuộc đời khắc khổ và cô độc. Những buổi sáng mùa đông, giữa bình minh buốt giá, tôi vẫn thấy ánh đèn sáng lên trong phòng bà. Tôi biết trong gian phòng, lúc đó bà đang làm gì. Bà đang lần xâu chuỗi mân côì và cầu

nguyện. Thế rồi, sẽ đến giờ bà kéo tôi lên xe điện Hankyuu (Hankyuu: tên đường tàu tư doanh địa phương nối các vùng Kobe, Ôsaka và Kyôto) chuyển sớm nhất trong ngày để đi dự lễ Misa. Toa tàu vắng vẻ, không một bóng ai. Tôi thu người trên ghế và đùa nghịch bằng cách giả vờ như mình đang chèo thuyền. Thế nhưng, đôi khi mở mắt ra nhìn, tôi thấy ngón tay của mẹ vẫn còn lần xâu chuỗi mân cô.

✱

Trời hãy còn tối, tôi chợt tỉnh giấc nhờ tiếng mưa rơi. Sau khi đã hấp tấp sửa soạn mặt mũi quần áo, tôi chạy từ ngôi nhà trệt đang ở về hướng cái nhà nguyện xây bằng gạch nằm ở phía đối diện.

So với hòn đảo nghèo nàn này thì ngôi nhà nguyện trông thật đẹp đẽ nên không ăn khớp với nó chút nào. Theo lời cha xứ cho tôi biết vào tối hôm qua thì tín đồ của giáo phận này đã tự tay khuân đá, xẻ ván và phải mất hai năm trời mới dựng được nó lên. Ba trăm năm về trước, vào thời đại của người Kirishitan, tất cả các tín đồ thuở đó vì muốn làm vui lòng các nhà truyền giáo, đã tự góp sức mình để xây dựng nhà thờ. Tập quán ấy đã được truyền đến hòn đảo hiu quạnh và nghèo khổ trên đất Kyushu này và người ta cứ thế mà chấp nhận y nguyên.

Trong ngôi nhà nguyện hãy còn nằm giữa bóng tối lơ mờ, tôi thấy có ba bà nông dân đầu đội khăn vải trắng đang quì nhưng trên người, họ vẫn mặc trang phục ngoài đồng (noragi). Lại có chừng hai người đàn ông trong bộ quần áo làm

việc. Vì nhà nguyện vừa không có bàn để khấn lại không có cả ghế nên tất cả phải ngồi trên mặt chiếu đọc kinh. Chắc là sau khi dự xong cái lễ Misa này, bọn họ sẽ cứ thế mà vác cuốc đi thẳng ra đồng hay ngoài biển. Trên bàn chủ tế, vị cha xứ kia đang hướng cặp mắt lõm sâu nhìn về phía này trong khi hai tay ông cầm cái chén lớn đựng rượu lễ (caliz) và miệng lẩm bẩm lời kinh xin tiếp nhận thánh thể. Ánh sáng của những ngọn đèn bạch lập chiếu lung linh lên cuốn Kinh Thánh khổ lớn được viết bằng chữ La Tinh. Lòng tôi chạnh nghĩ về người mẹ của mình. Tuy nhiên tôi không cảm thấy giữa ngôi nhà thờ nơi ba mươi năm về trước mẹ con tôi vẫn thường lui tới và cái nhà nguyện này có cái gì chung.

Buổi lễ Misa (Thánh lễ) chấm dứt, khi tôi bước ra bên ngoài nhà nguyện

thì cơn mưa đã tạnh nhưng trời vẫn đầy sương mù vừa mới bốc lên. Hướng thôn làng của người Kakure mà cha xứ vừa chỉ cho tôi hôm qua đang bị một màn sương trắng như sữa phong kín. Trong vùng sương mờ ấy tôi thấy bóng dáng những khu rừng cây trôi bồng bềnh tựa như phong cảnh trong tranh thủy mặc.

– Sương mù kiểu này, không cách chi lên tới đó đâu!

Vừa chà xát hai bàn tay vào nhau, từ sau lưng tôi, cha xứ lẩm bẩm

– Đường núi trơn lấm đấy! Chắc hôm nay, thầy nên nghỉ một ngày lấy sức đi! Sáng mai lên đường thì đã sao nào!

“Trong xóm này cũng có mộ của người Kirishitan, từ chiều hôm nay, thầy đã có thể đi thăm được rồi”. Đó là

phương án cha xứ đã đề nghị với tôi. Còn như ngôi làng của người Kakure thì nó vốn nằm ở lưng chừng núi, dân bản địa thời may ra chứ một người từng bị cắt đi một lá phổi như tôi, làm gì có đủ lượng không khí để thở nếu phải bước trên những con đường ướt át nằm bên dưới màn mưa.

Đến lúc sương mù tách ra, qua khe hở của nó, tôi đã nhìn thấy biển. Khác với hôm qua, dường như màu nước đen thẫm hơn mà còn lạnh nữa. Chưa thấy bóng con thuyền nào dám ra khơi. Giống như những chiếc răng nanh màu trắng, sóng đang trào bọt. Dù chỉ đứng ở đây mà nhìn, tôi cũng có thể hiểu được tình huống.

Sau khi dùng xong cơm sáng với cha xứ, tôi sang bên căn phòng sáu chiếu tatami họ dành cho mình, nằm lăn ra

và đọc quyển sách viết về lịch sử vùng đất này. Những hạt mưa thưa đã rơi trở lại, âm thanh lạo xạo như cát đang chảy của nó bao trùm lên bầu không khí tĩnh mịch của căn buồng. Trên tường, ngoài tấm thời khắc biểu những chuyến ô- tô- buýt được dán lên, không còn thấy gì khác. Tự dưng tôi những muốn quay lại Tôkyô.

Theo những gì được ghi chép lại thì cuộc bách hại người Kirishitan ở địa phương này đã khởi đầu từ năm 1607 [Trong giai đoạn này (1607) Shôgun Tokugawa (1542-1616) đã hết giữ chức vụ (1603-05) nhưng vẫn đóng vai trò chỉ đạo cho Shôgun đời thứ hai là Hidetada, tại vị từ 1605 đến 1623.] nhưng xảy ra kịch liệt nhất là trong giai đoạn 1615 đến 1617.

– Giáo sĩ Pedro de San Dominico

- Mathias
- Fransisco Gorosuke
- Miguel Shinemon
- Dominico Kisuke...

Tôi đã tuyển chọn những cái tên đó từ danh sách các nhà truyền giáo hay tu sĩ tử đạo (junkyô = tuần giáo) vào năm 1615 trên mảnh đất nơi tôi đang có mặt. Nhưng thực tế thì chắc chắn là trong số nông dân không tên tuổi cũng như phụ nữ các làng chài hẳn còn có vô số người đã bỏ mình vì đạo. Lúc trước, khi có nhiều thời giờ rảnh rỗi dành cho việc đọc lịch sử những người tử đạo, trong đầu tôi có lần đã nảy ra một giả thuyết khá táo bạo. Tôi lập luận là những cuộc xử hình này không nhằm vào lòng tin của từng cá nhân một nhưng phải chăng

nó đã được dàn dựng để răn đe các chức sắc và nhân vật đại diện cho dân chúng trong các thôn làng? Tuy rằng trong khi chưa tìm ra một bản ghi chép đương thời nào chứng minh cho nó, lập luận của tôi vẫn còn nằm trong phạm vi của một giả thuyết và sẽ còn như thế không biết đến bao giờ. Thế nhưng, tôi có cảm tưởng là vào thời đại ấy, mỗi cá nhân không ai tự mình chọn lựa giữa tử đạo hay bội đạo mà thường quyết định theo ý chí của làng nước.

Lý do là vào lúc ấy, ý thức cộng đồng của đám dân làng và dân xã ấp thường dựa trên quan hệ huyết thống, xem nó như một trọng điểm, và lại mạnh mẽ hơn bây giờ nhiều. Việc đề kháng được sự bức hại hay chuyển qua vâng phục không do từng cá nhân quyết định nhưng là quyết định chung của cả tập thể dân làng. Điều

đó là cơ sở một giả thuyết mà xưa tay tôi vẫn chủ trương. Nói tóm lại, nếu đám nha lại đem tất cả những ai cương quyết không bỏ đạo mà giết hết thì họ đồng thời cũng tiêu diệt sức lao động trong vùng nên họ chỉ nhắm xử hình những người tiêu biểu. Về phía dân chúng làng xã thì vì sự sống còn của tập đoàn, khi bắt buộc phải thay đổi, họ sẽ bỏ đạo cùng một lượt. Ý tưởng trên đã làm cho tôi xem việc tử đạo ở Nhật Bản có một cái gì khác so với việc tử đạo ở ngoại quốc.

Có tư liệu ghi lại rằng vào thời xưa, một hòn đảo Nam Bắc dài 10 km, Đông Tây rộng 3, 5 km như nơi đây, đã có vào khoảng 1.500 giáo dân Kirishitan sinh sống. Lúc bấy giờ, người đến truyền đạo trên đảo là linh mục Camillo Constanzo, một giáo sĩ Bồ Đào Nha. Vị này đã bị đưa lên giàn hỏa trên bãi biển Tabi-

ra vào năm 1622 [Vẫn còn ở dưới thời Shôgun Tokugawa thứ hai là Hidetada (Tú Trung, tại vị 1605-1623)]. Nghe kể rằng khi lửa đã bén đến củi và linh mục bị bao trùm bởi làn khói đen, đám đông vẫn nghe ông hát bài thánh ca “Laudate Dominum” để tôn vinh Chúa. Sau khi hát xong, ông còn cao giọng lập đi lập lại “Thánh thay! Thánh thay!” tất cả năm lần rồi mới trút linh hồn.

Nơi xử hình linh mục này là một hòn đảo nhỏ lờm chờm những đá mà nếu muốn đi từ hòn đảo này đến đó, đám nông dân và chài lưới phải dùng thuyền con và mất khoảng nửa giờ. Các tín đồ không chịu từ bỏ đạo đã bị trói nguyên cả chân tay và xô xuống biển từ những vách đá thẳng đứng. Vào thời điểm cuộc đàn áp đi đến chỗ ác liệt nhất, hình như mỗi tháng số tín đồ bị đem đến xử tử

trên hòn đảo nham thạch gọi là Nham Đảo (Iwajima) ấy không bao giờ dưới 10 người. Bọn nha lại có khi cảm thấy phiền toái cho mình nên đã bọc họ trong chiếu lát thành từng bó và thả tất cả xuống mặt biển lạnh giá. Dĩ nhiên thi thể của những tín đồ bị ném như vậy hầu như không ai tìm ra được.

Tôi đã giết thời giờ bằng cách đọc lại quyển sử nói về những người tử đạo thảm thương ấy cho đến quá buổi trưa. Bên ngoài những giọt mưa sương vẫn cứ rơi rơi.

Trong bữa ăn trưa, tôi không thấy bóng cha xứ đâu. Một bà trung niên da dẻ rám nắng với gò má nhô cao phụ trách việc dọn cơm cho tôi. Tôi cứ ngỡ bà là vợ của một ông dân chài nào nhưng qua câu chuyện, chao ôi, tôi đã ngạc nhiên biết mấy khi hay rằng bà là một nữ tu, sống

độc thân và đã dành cả đời mình để làm công việc nhà thờ. Nói về các nữ tu thì một người như tôi, lúc ở Tôkyô, chỉ biết có những bà xơ hay mặc mấy bộ đồ màu đen rất đặc biệt. Nhờ có bà này mà lần đầu tiên tôi mới được nghe kể về tổ chức hội thánh ở đây, trong đó bà là một trong những người thuộc về “Onnabeya” (Chi nhánh nữ), thuật ngữ trong vùng để chỉ về những người đàn bà vừa lo công việc đồng áng như một nông dân, vừa trông coi con nít ở nhà trẻ, vừa chăm sóc bệnh nhân ở bệnh viện... Nói chung sinh hoạt của họ đều là sinh hoạt tập đoàn.

– Đức cha vừa lấy xe gắn máy đi lên núi Fudô (Bất Động Sơn) đấy ạ! Khoảng ba giờ chiều, ngài sẽ về!

Bà vừa nhìn về phía cửa sổ đang ướt nước mưa vừa bảo tôi:

– Tiếc là thời tiết xấu khiến thầy đâm chán, chứ chút nữa thôi, sẽ có Jirô-san đăng cơ quan hành chánh đến hướng dẫn thầy đi xem ngôi mộ của người Kirishitan đấy

Jirô-san bà vừa nhắc đến là anh thanh niên tối hôm qua đã cùng cha xú đứng đợi tôi trước cửa nhà thờ.

Đúng như lời bà, khi tôi vừa ăn xong bữa cơm trưa chưa được bao lâu, anh Jirô đã tới để rủ tôi đi. Đặc biệt là anh đã chuẩn bị cho tôi một đôi ủng cao.

– Thầy đi giày của mình là không được đâu! Lắm bùn hết cho coi.

Anh ta cứ cúi đầu lia lịa, xin lỗi xin phải tôi mãi vì đôi ủng anh vừa mang tới là đồ dùng đã cũ, làm tôi cũng đâm ái ngại cho anh.

– Em thật mắc cỡ khi phải đưa thầy đi bằng chiếc xe thổ cà tàng này!

Chiếc xe hơi bốn bánh loại nhẹ của anh khi vừa ra khỏi xóm thì đúng như điều tối hôm qua tôi đã tưởng tượng, đã đi vào một con đường có những căn nhà mà mùi tanh của cá thấm cả vào từng thớ gỗ. Ngoài cảng của đảo, có chừng mười chiếc thuyền con đang đậu, ý chừng họ vẫn chuẩn bị rời bờ dù thời tiết xấu. Ở vùng này chỉ có công sở và trường tiểu học là được xây bằng bê tông cốt sắt. Tiếng là khu phố chính nhưng chưa đến năm phút sau, phong cảnh đã đổi thành những mái nhà dân lợp bằng rơm rạ. Trên một cột điện ướt nước mưa, có ai đó đã dán một tấm quảng cáo một buổi trình diễn vũ lỏa thể. Tấm quảng cáo ấy có hình ảnh một bà người không mảnh vải đang đưa một cánh tay đè lên đôi vú,

bên dưới còn chạy một hàng chữ: “Nữ hoàng của nhục thể (Sekusu no ôja).

– Cha xứ đã vận động dư luận trong vùng để phản đối kiểu quảng cáo như thế rồi!

– Nhưng lớp trẻ vẫn lục tục đến xem chú gì? Ngay cả giới thanh niên đi đạo nữa, có phải không?

Nghe câu nói đùa của tôi, anh Jirô chỉ nắm chặt tay lái mà không trả lời. Tôi bèn vội vàng đổi đề tài:

– Bây giờ, số tín đồ trong vùng được khoảng bao nhiêu hờ cậu?

– Thưa Sensei, có lẽ chừng một nghìn.

Có tư liệu ghi chép là vào thời Kirishitan, dân số ở đây lên đến 1.500, vị chi là nó đã giảm bớt đi 500.

– Còn số người Kakure?

– Thừa em không biết nhưng chắc là mỗi năm mỗi ít đi dần thì phải. Những người còn giữ phép tắc thờ phượng của Kakure chỉ độc các ông già bà cả chứ bọn trẻ đã xem mấy chuyện đó là hủ lậu từ lâu.

Anh Jirô đã kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện khá thú vị. Chẳng hạn như việc nhóm người Kakure này, dù các cha xứ và tín hữu Ki-Tô Giáo thuyết phục “trở lại đạo” đến đâu, họ cũng không bao giờ chịu nghe. Theo lời họ kể thì chính họ là những người đã gìn giữ tôn giáo cũ (Cựu giáo) do ông bà truyền lại và mới đúng là người Cơ Đốc chính gốc. Họ lại cực lực chủ trương rằng Cơ Đốc Giáo có từ thời Meiji chỉ là một thứ đạo mới (Tân giáo). Hơn nữa, hình ảnh của các giáo sĩ (Padre) họ giữ trong tâm khảm tự bao

đời và cách phục sức của các cha xứ ngày nay đã khác nhau quá đổi và những điều đó đã trở thành mầm mống cho sự thiếu tin tưởng nơi họ.

– Tuy vậy, thầy ạ, có một vị linh mục người Pháp thấy thế mới vắt óc và đã nảy ra một kế lạ. Ông đã ăn mặc quần áo y hệt kiểu các Padre thời xưa và tìm tới gặp những người Kakure này.

– Thế rồi sao?

– Người Kakure lúc đó mới thưa với ông rằng giống thì giống đấy nhưng vẫn có cái gì khang khác. Do đó họ không thể nào tin nổi...

Qua câu chuyện Jiro-san kể, tôi cảm thấy anh có một chút khinh miệt đối với người Kakure nhưng lúc ấy, tôi chỉ phá lên cười. Việc vị linh mục người Pháp kia

giả dạng các giáo sĩ Tây, Bồ thời Namban (Nam Man) [Thời Edo, người Nhật gọi người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là bọn rợ phương Nam (Nam Man), một phần do lòng tự tôn nhưng phần khác có lẽ vì những người này đã đi từ phía Nam lên.] đến thăm người Kakure xem ra có chút gì hài hước nhưng dù sao, tôi vẫn thấy nó phù hợp với tâm trạng của người dân trên đảo này.

Sau khi ra khỏi xóm, chiếc xe đi theo con đường màu xám chạy dài ven biển. Phía tay trái ép sát vào núi còn bên tay mặt là biển. Biển đang động, nước vẫn đục và xám một màu chì. Tôi vừa mở hé cánh cửa kính trên xe thì đã thấy những luồng gió đem theo nước mưa vào, đập đến rất mặt. Khi đến được chỗ có khu rừng được trồng lên với mục đích chắn gió, Jirô-san dừng xe lại. Anh giương dù

ra che cho tôi. Tuy khu vực này là đất cát nhưng người ta cũng ráng trồng rải rác đó đây được mấy cụm thông. Khu có mộ của người Kirishitan nằm một góc trên một ngọn đồi cát cheo leo đổ nghiêng về phía biển. Gọi là mộ nhưng đó chỉ là một phiến đá mà nếu lên gân, tôi có thể ôm và nâng cả nó lên. Một phần ba ngôi mộ đá đó đã lún vào trong cát, còn mặt ngoài vì gió táp mưa sa nên đã xám xịt như chì. Trên đá vón vện một vài nét bút kẻ hình thập tự giá và mấy chữ M. và R. theo mẫu tự La Mã. Nó làm tôi liên tưởng đến danh hiệu Đức Mẹ Maria nên đoán mò rằng đây có thể là nơi an nghỉ của một nữ tín hữu.

Tôi không hiểu tại sao lại có một ngôi mộ nằm riêng biệt ở một nơi khuất nẻo như thế này? Phải chăng sau khi bị bức hại, thân tộc đã lén lút dời xác bà ra một

nơi mà sẽ không ai để ý. Cũng có thể là giữa lúc bị bức hại, bà đã bị xử hình tại chỗ nghĩa là ngay trên đồi cát.

Phía bên kia nắm mồ của người tín nữ bị bỏ bê không ai lý tới đó, một vùng biển hoang dã đang trải rộng. Tiếng gió đập vào cánh rừng chắn nó tạo thành những âm thanh như khi giấy điện xoẹt vào nhau. Giữa biển khơi đen kịt, tôi chợt thấy một hòn đảo nhỏ. Phải chăng đó là Iwajima (Nham Đảo), nơi có cái vách đá dựng đứng mà những kẻ đàn áp đã cột các tín đồ thành râu và ném họ xuống biển?

✱

Tôi nhớ mình đã có lần nói dối mẹ.

Chuyện nói dối mẹ, bây giờ nghĩ

lại, tôi cho rằng nó đã phát xuất từ mặc cảm tôi có đối với bà. Để có thể quên đi những khổ muộn từ khi bị người chồng ruồng bỏ, mẹ tôi chỉ biết tìm nguồn an ủi trong tình yêu tôn giáo. Ngoài nó ra bà không có gì khác để nương tựa. Cái nhiệt tình đeo đuổi một âm tố vĩ cầm của thời son trẻ, bà đã chuyển hướng về một Đấng thiêng liêng duy nhất. Ngày nay tôi có thể thông cảm phần nào thái độ tận tụy của bà nhưng phải nói vào lúc đó, nó đã áp bức tôi mệt đến ngạt thở. Bà càng cưỡng ép tôi theo cùng một tôn giáo với bà bao nhiêu thì càng làm cho tôi, giống như một đứa trẻ sắp chết đuối, cố sức vùng vẫy để thoát khỏi áp lực của dòng nước cho bằng được.

Trong các cậu bạn cùng lớp của tôi có một đứa tên Tamura, con trai một ông chủ nhà chứa ở vùng Nishinomi-

ya. Lúc nào nó cũng quần quanh cổ một cái băng vải bẩn thỉu và hay văng mặt ở lớp. Có lẽ từ hồi đó, nó đã bắt đầu mắc phải bệnh lao rồi. Thấy bọn học sinh giỏi trong lớp ra vẻ khinh miệt nó và nó cũng không có bao nhiêu bạn bè, tôi bèn tìm đến làm thân. Tình cảm muốn kết bạn với một người như nó có thể xem như phản ứng nổi loạn của tôi trước lối cư xử quá nghiêm khắc của mẹ mình.

Lần đầu tiên khi được Tamura dạy cho hút thuốc lá, tôi đã cảm thấy mình như vừa mắc phải một tội trọng. Đứng đằng sau chỗ tập bắn cung của nhà trường, nhìn trước nhìn sau coi có ai không, Tamura đã chậm rãi rút từ trong túi bộ đồng phục một gói thuốc lá đã nhăn nhúm.

– Mới hút lần đầu nên mấy chớ hút một hơi quá mạnh. Và nhớ thổi phù ra

ngay!

Tôi đang khổ sở với cái mùi hăng hắc làm mình phát ho vì nó kích thích cả mũi lẫn cuống họng, thì cùng lúc, dưới riềm mi tôi, lại hiện ra khuôn mặt của mẹ mình. Đó là khuôn mặt khi bà vừa bước ra khỏi giường giữa đêm đen rồi bắt đầu lần chuỗi mân cầu nguyện. Như để đuổi cho khuất mắt cái hình ảnh đó, tôi lại nuốt khói vào sâu hơn nữa.

Chuyện ghé vào rạp xi-nê trên đường từ trường về nhà, tôi cũng đã được Tamura tập tành cho. Tôi theo chân nó và nấp trong bóng tối để lén chui vào rạp Niban ở gần ga Nishinomiya trên đường xe điện Hankyuu. Nơi đó luôn luôn thoang thoảng một mùi thối tha từ nhà vệ sinh. Tiếng máy chiếu phim rè rè đơn điệu chen vào giữa tiếng ho của mấy người già và tiếng con nít khóc. Những

lúc như vậy, tôi thường tự đặt câu hỏi là không biết mẹ tôi giờ này đang làm gì.

– Tội mình về đi mày!

Tamura bị tôi thôi thúc mãi nên phát cáu.

– Thằng này sao mà ồn ào quá thể! Nếu mày muốn thì cứ về một mình đi.

Khi hai đứa tôi ra đến bên ngoài, chuyển xe điện Hankyuu chở đầy người vào giờ tan tầm vừa chạy ngang trước mắt.

– Làm gì mày sợ bà già mày đến cỡ đó?

Tamura lắc vai tôi và nói như chế diễu.

– Cứ lựa lời khôn khéo giải thích cho bà nghe là được thôi mà!

Sau khi chia tay với nó, tôi tiếp tục bước trên con đường vắng vẻ, trầm nghĩ không biết mình sẽ đánh lừa mẹ cách nào. Thế mà ngay đến khi về tới nhà, tôi vẫn chưa nghĩ ra một câu nói dối nào cho thỏa đáng.

– Con có giờ học thêm. Các thầy bảo cần chuẩn bị để thi vào trường cấp trên.

Tôi đã lấy hơi để tuôn ra một lời giải thích đó. Thế rồi khi thấy mẹ mình cứ tin vào đó không chút nghi ngờ, trong lòng tôi bỗng dậy lên cùng lúc một nỗi đau đớn kèm thêm cái tình cảm thỏa thuê.

Thành thực mà nói, lúc ấy tôi không có lòng tin tôn giáo nào hết. Dù tuân theo mệnh lệnh của mẹ để đi nhà thờ nhưng tôi chỉ vờ vịn làm mấy cử chỉ như chắp hai tay và cầu nguyện chứ thật ra

tôi đang ở trong trạng thái lơ đãng và thường là suy nghĩ không đâu. Đầu óc tôi đang nhớ lại những “xen” trong mấy cuốn phim đôi khi tôi đã đi xem với Tamura cũng như mấy tấm ảnh đàn bà mà có một hôm nó đã dú dí cho tôi. Trong nhà nguyện, tôi chỉ bắt chước các tín đồ, lúc quì xuống, lúc đứng lên và cầu kinh theo cha xứ giống như cái máy khi ông cử hành lễ Misa. Tôi càng muốn khổng chế bao nhiêu, những ý nghĩ vẫn vơ lại trào lên trong đầu bấy nhiêu như thể chúng muốn trêu người tôi.

Tôi thực không hiểu vì có gì mẹ tôi lại theo cái thứ tôn giáo này. Tôi có cảm tưởng nội dung lời giảng của cha xứ cũng như những sự kiện chép trong Kinh Thánh, ngay cả cái thập tự giá kia đều là những chuyện xảy ra tự đời xưa đời xưa, chẳng liên hệ gì đến chúng tôi

cả và tôi không thể nào cảm được chúng như những sự thực. Tôi thấy mình nghi ngờ tình cảm của đám giáo dân đến ngày chủ nhật là tới đây nhóm họp, lúc vừa dâng hăng, lúc vừa nạt nộ bọn con nít, lại vừa chấp hai tay làm lễ. Đôi khi tôi có hối hận vì lỗi suy nghĩ và con người của mình, cảm thấy có lỗi với mẹ nên đã cầu xin rằng nếu có một Đức Chúa Trời, xin ngài hãy ban cho tôi một lòng tin tôn giáo, nhưng dĩ nhiên, ngay khi mang tình cảm đó, lòng tôi cũng chẳng có gì thay đổi. Về sau, lấy cớ là phải lo học để chuẩn bị thi vào trường cấp trên, tôi không còn đi xem lễ Misa mỗi buổi sáng với mẹ nữa. Từ thời gian này, mẹ tôi đã bắt đầu có những cơn đau tim làm cho hồi hộp nhưng mỗi sáng mùa đông, bà vẫn một mình đi đến nhà thờ. Còn tôi thì nằm lì trong giường và không mấy may xúc động khi nghe tiếng chân bà

bước ra ngoài ngõ.

Cuối cùng, ngay cả nghĩa vụ đi nhà thờ mỗi tuần một lần vào ngày Chúa nhật, tôi cũng bỏ bê nốt. Tôi lên nhà ra phố Nishinomiya từ thật sớm và ngay trước mũi của mẹ, đến một khu vực buôn bán mà mãi lâu sau mới thấy có khách hàng tụ họp mua sắm. Tôi cứ đi thơ thẩn nơi đó, ngắm nghía mấy tấm bảng quảng cáo phim sắp chiếu của các rạp xi-nê cho hết ngày giờ.

Dạo ấy, mẹ tôi bắt đầu than có triệu chứng như tức ngực, khó thở. Đôi khi đang đi ngoài đường, bà đã phải đưa một bàn tay lên chặn lấy ngực, mặt thì nhăn nhó vì đau đớn và dừng bước đứng nguyên một chỗ. Thấy cảnh đó, tôi vẫn tỉnh như không. Một đứa con trai mới 16 tuổi nào đã tưởng tượng ra sự khủng khiếp của cái chết! CƠN ĐAU TIM CỦA MẸ TÔI

chỉ là nhất thời, năm phút sau bà đã trở lại như cũ cho nên tôi đã cho rằng chứng bệnh này không có gì đáng lo. Thực ra là buồng tim của bà đã yếu đi dần sau một thời gian dài nếm trải nhiều lao khổ về tinh thần lẫn vật chất. Thế mà mỗi sáng mẹ tôi vẫn thức dậy vào lúc 5 giờ và lê bước ra ngoài lúc trên đường còn chưa có bóng người để đến ga Nishinomiya lấy tàu điện. Nhà thờ mẹ tôi thường xuyên lui tới vốn nằm ở một vị trí cách nơi đó hai ga.

Có một sáng Chúa nhật, tôi không thể thắng được sự cảm dỗ nên trên đường đến trường, nửa chừng tôi đã xuống xe và đến một khu phố tấp nập. Cặp sách thì tôi đã nhờ người ở quán cà phê quen biết từ lúc tôi và Tamura bắt đầu lui tới đó giữ hộ rồi. Hãy còn khá nhiều thời gian trước giờ rạp xi-nê mở cửa. Tuy trong

túi tôi có tờ giấy bạc 1 Yen [Có lẽ mệnh giá phải cao hơn nhiều, ít nhất tương đương với 10.000 Yen bây giờ.] nhưng đó là món tiền mà mấy hôm trước, tôi đã lấy trộm từ ví của mẹ. Tôi vẫn thường có thói quen lục ví bà ra xem. Tôi đã ngồi coi phim cho đến chiều tối và khi về đến nhà, cố giữ bộ mặt điềm nhiên, làm như mình chả biết gì.

Không ngờ là vừa khi mở cửa gian tiền sảnh, tôi đã thấy mẹ đứng đó. Bà không nói gì, chỉ đưa mắt nhìn tôi đăm đăm. Thế rồi khuôn mặt đó từ từ méo mó đi, và trên gò má đã lệch lạc ấy, có những giọt nước mắt từ từ lăn xuống. Tôi biết ngay là nhà trường đã phác giác và điện thoại báo tất cả tin tức về tôi cho bà hay rồi. Đêm hôm ấy, tôi nghe tiếng thút thít của bà ở phòng bên cạnh mãi đến thật khuya. Tôi đã cố tình nút ngón tay vào

lỗ tai để khỏi phải nghe tiếng khóc ấy nhưng nó vẫn truyền đến và làm rung màng nhĩ. Tuy vậy, thay vì hối hận việc mình làm, tôi chỉ muốn tìm cách thoát ra khỏi tình trạng hiện tại.

✱

Tôi được anh Jirô đưa tới cơ quan hành chánh của đảo. Trong khi tôi đang đứng xem mấy món đồ họ khai quật được thì kính cửa sổ đang trắng ra. Ngược mắt nhìn lên, mới biết cơn mưa dai dẳng đã bắt đầu tạnh.

– Nếu mình mời Sensei qua bên trường học, chắc thầy có thể thấy thêm ít món đồ nữa ấy nhỉ?

Ông trợ tá có tên là Nakamura đặt câu hỏi, vẻ mặt ra chiều lo lắng.

Làm như ở trong vùng này, có khi chỉ vì một chuyện không đâu, người ta tỏ vẻ như mình là người phải gánh trách nhiệm. Những hiện vật có ở công sở cũng như trường học đều không phải là di tích của người Kakure mà tôi đang chờ đợi. Bên trường tiểu học chỉ có vài mảnh vỡ của bình gốm thời thượng cổ mà các thầy giáo ở đó đã đào lên được.

– Thế không có mấy di vật của họ như chuỗi mân côi hay thập tự giá hay sao ông?

Một lần nữa ông Nakamura lại lắc đầu một cách sợ sệt:

– Mấy người Kakure vốn thích giấu diếm. Nếu thầy không đi đến chỗ họ để hỏi trực tiếp, tôi thấy khó lòng. Nhưng đám đó lại sống chui rúc trong hốc núi nên mới khó.

Cũng như trường hợp anh Jirô, lời lẽ của ông Nakamura khi đã động tới những người Kakure, tôi thấy đều biểu lộ một sự khinh miệt.

Anh Jirô sau khi ra ngoài xem thời tiết thế nào đã quay trở lại và lên tiếng mời mọc:

– Coi bộ trời tốt trở lại rồi. Nếu ngày mai mình đi chắc không có vấn đề. Thế thì từ giờ thầy có muốn ra hòn Iwajima (Nham Đảo) hay đâu đó để ngắm cảnh không?

Thực ra hồi này khi đến viếng ngôi mộ của người Kirishitan, tôi đã gợi ý với anh xem có cách nào ra thăm Nham Đảo được không?



Mẹ Maria – Quan Âm
người Kakure Kirishitan thờ phượng

Ông trợ tá Nakamura bèn gọi điện
thoại cho Hợp Tác Xã Ngư Nghiệp. Họ

cho biết là trong trường hợp này và chắc là phù hợp với nhu cầu của cơ quan hơn cả, là họ sẽ cho chúng tôi mượn một chiếc ghe máy của Hợp Tác Xã.

Áo dùng để đi mưa thì tôi đã mượn đỡ của Nakamura-san một cái Capa [Áo choàng dài để khoác bên ngoài (từ tiếng Bồ Đào Nha)] bên ngoài có tráng lớp nhựa cao su. Kể thêm Jirô-san nữa thì thành một bộ ba, chúng tôi cùng nhau ra bến tàu. Đến nơi mới thấy một ngư dân đã chuẩn bị sẵn chiếc ghe máy cho bọn tôi rồi. Tuy ông ta có lót một manh chiếu lát lên tấm ván ướt cho chúng tôi ngồi nhưng bên dưới chân lại đọng đầy nước bẩn. Trong vũng nước bẩn ấy, tôi thấy cái xác chết màu sáng bạc của một con cá con đang nổi lênh bệnh.

Khi động cơ mới rú lên và chiếc ghe còn chưa ra đến vùng biển động, tôi đã

cảm thấy mỗi lúc thân hình mình càng bị lắc lư dữ dội. Lúc ghe lướt lên ngọn sóng, tôi có đôi chút khoan khoái nhưng khi nó rơi xuống, tôi thấy như có ai đang bào gan thắt ruột mình.

– Nham Đảo là một nơi câu cá tốt lắm đấy! Bọn tôi hề có ngày nghỉ là ra đấy câu. Không biết thầy có thường đi câu cá không ạ?

Khi thấy tôi lắc đầu thì ông Nakamura nhìn tôi như nhìn một người đang muốn phá bình rồi quay sang khoe khoang với ông ngư dân và anh Jirô thành tích mình đã có lần câu được ở đấy một con trắm đen (kurodai) to khủng khiếp.

Cái Capa bị bọt nước nước bắn lên đến ướt rượt, lại thêm gió biển thổi rất mặt làm tôi phải ngồi im tự nãy giờ. Thêm vào đó, cho đến khoảng biển này,

nước chỉ xám như chì nhưng kể từ đây, nó đã đổi qua màu đen và lại còn lạnh buốt. Đầu óc tôi nghĩ đến những tín hữu cách đây bốn thế kỷ đã bị trói thành xâu và ném xuống biển. Nếu lỡ sinh ra vào thời đại đó, tôi e rằng mình không đủ tự tin để hứng chịu những cực hình như thế. Bất chợt tôi nghĩ đến mẹ mình. Hình ảnh cái thời đi lang thang trong những khu phố tấp nập của Nishinomiya hay đặt điều dối mẹ...thì nhau sống lại trong ký ức của tôi.

Chúng tôi đã đến gần đảo. Đúng như cái tên Nham Đảo của nó, trên đó toàn là đá và đá. Hình như chỉ ở mấy đỉnh núi mới có dăm bụi cây còi là sống nổi. Hỏi thăm ông trợ tá, tôi mới biết nơi đây chỉ có nhân viên Bộ Bưu Chính và Viễn Thông lâu lâu mới đến kiểm tra đo đạc và đảo chỉ được mỗi một ích lợi là làm

chỗ cho dân trong vùng đến câu cá.

Độ chừng mười con chim với cái giọng khàn khàn vừa cất tiếng kêu vừa bay lượn trên mấy đỉnh của hòn đảo. Tiếng kêu của chúng như đang muốn xé rách cái bầu trời xám xịt đầy hơi nước. Những chỗ lồi lõm nơi vách nứt của ghềnh đá bắt đầu hiện ra trước mắt tôi. Ngọn sóng đánh vào nơi đó đã tạo nên những âm thanh bi tráng và làm bắn tung bọt nước trắng xóa.

Tôi hỏi thăm người trên ghe xem đâu là cái bức vách thẳng đứng chỗ ngày xưa các giáo đồ từng bị xô xuống biển nhưng ông ngư dân lẫn ông thợ tá đều nói là không biết. Chắc không phải chỉ có một cái vách nhất định nào vì chỗ nào trên hòn đảo này, tôi đều thấy có khả năng ném xuống từ đó..

– Chỉ nghĩ đến thôi mà cũng đã kh-iếp vía!

– Thời nay có ai dám tin chuyện như thế từng xảy ra đâu!

Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng những ý tưởng ám ảnh tôi tự này giờ chưa một lần nào hiện ra trong đầu Jirô-san và ông trợ tá dù họ là hai tín đồ Cơ Đốc.

– Cái hang này coi bộ lắm dơi đấy nhỉ? Mới đến gần một chút mà đã nghe những tiếng kêu “chii chii” của chúng.

– Quái thật. Lũ dơi này bay nhanh khủng khiếp nhưng chả bao giờ thấy chúng va chạm vào đâu cả. Làm như trong người chúng đã gắn sẵn máy ra-đa (radar).

– Mình xem sơ sơ đủ một vòng rồi quay về nghe Sensei!

Những ngọn sóng hung bạo như muốn cắn vào mặt sau của hòn đảo. Mấy đám mây nặng nề hơi nước rồi cũng tách ra, giúp cho tôi bắt đầu nhìn được rõ hơn khúc giữa của những ngọn núi nằm trên đảo.

– Làng của người Kakure ở chỗ kia kìa.

Ông trợ tá Nakamura đưa tay trở về hướng bên kia núi, đúng cái chỗ mà cha xứ tối hôm qua đã chỉ cho tôi.

– Bây giờ, tin đồ Kakure bắt đầu đi lại với mọi người rồi chứ gì?

– Vâng, có thì cũng có đấy! Một người đã đến giúp việc chân tay cho trường tiểu học. Này, cái ông Shimomura kia, đúng là dân Kakure đấy chứ? Dù sao, tính nết ông ấy có hơi lạ. Nói chuyện với ai cũng không ăn khớp.

Theo lời hai ông cho biết, giáo dân Cơ Đốc trong vùng vẫn thường tỏ ra do dự khi giao tiếp hay phải chọn vợ chọn chồng trong cộng đồng người Kakure. Lý do không đến từ việc tôn giáo khác nhau nhưng từ những rào cản hay đối lập có tính cách tâm lý. Cho đến ngày nay, người Kakure vẫn tổ chức hôn lễ giữa họ vì họ nghĩ nếu không làm như thế sẽ không gìn giữ được giống mỗi đạo nhà. Tập quán này đã khiến cho họ bị xem là một đám người đặc biệt, không giống ai.

Trên lưng chừng những ngọn núi vây bọc bởi lớp khói sóng mờ hồ ấy, suốt ba trăm năm, những người Kakure Kirishitan nói chung cũng như các nhóm Kakure ẩn náu trong những thôn xóm biệt lập khác đã đặt ra những chức vụ trong thôn như O-mizuyaku (Người tắm

nước), Hariyaku (Người canh chừng), Okuri-yaku (Người đưa đón), Toritsugi-yaku (Người giao liên) để tuyệt đối ngăn cản bí mật của tổ chức không được rò rỉ ra ngoài. Từ ông truyền qua cha, từ cha truyền qua con, đời đời nối tiếp họ gìn giữ những bản Orashio (Oratio, Lời khấn nguyện) [Oratio, nguyên gốc tiếng La Tinh.] trong các gian nhà kho u tối và cũng là nơi họ sẽ cử hành mọi thứ lễ lạc gì gì đó. Tôi cũng cảm thấy các thôn làng sống cô lập thường toát ra một cái gì hoang vắng thê lương nên đã đưa mắt xem kỹ phần lưng chừng của những hòn núi ấy. Dĩ nhiên từ nơi đó, đã không có gì khả dĩ khiến tôi chú ý.

– Sao Sensei lại tỏ ra thích thú với bọn người dở hơi đó làm chi vậy?

Ông trợ tá có lẽ lạ lùng về thái độ của tôi nên đã đặt câu hỏi nhưng tôi chỉ đưa

ra một câu trả lời để cho qua chuyện.

✱

Được một ngày mùa thu quang đãng, tôi mua bó cúc để đi tảo mộ mẹ. Mộ của mẹ tôi nằm trong nghĩa trang Công giáo ở Fuchuu [Tên một vùng phụ cận của Tôkyô nhưng nay đã nhập hẳn vào thành phố.]. Tôi đã đi đi lại lại trên con đường đưa vào khu mộ địa này không biết bao nhiêu lần từ khi còn là một sinh viên. Ngày xưa, hai bên đường là những lùm cây dẻ, cây sồi và những cánh đồng lúa mạch trái rộng. Vào mùa xuân, đó là một nơi rất thú vị để tản bộ. Ngày nay đã có những tuyến xe buýt chạy thẳng vào nghĩa trang và nhiều hàng quán được cất lên, sắp thành hàng bên nhau. Ngay cả tiệm bán đồ đá (sekiya) xưa kia giống

như một túp lều con trơ vơ bên đường nay đã biến thành một ngôi nhà hai tầng. Mỗi lần đi ngang qua đây, từng hình ảnh một của thời đó đã sống lại trong tôi. Hôm tốt nghiệp đại học, tôi đã đi thăm mộ. Ngày trước khi đáp tàu thủy sang Pháp du học, tôi cũng tới đây. Lúc vì bệnh hoạn phải trở về nước thì ngay hôm sau khi vừa đặt chân lên đất Nhật, việc đầu tiên tôi làm là chạy bay tới chỗ này. Rồi khi kết hôn cũng như trước những lần nhập viện, tôi không bao giờ quên ghé thăm ngôi mộ của mẹ tôi. Ngay bây giờ, nhiều khi tôi không cho cả vợ tôi hay mà lẳng lặng làm một cuộc hành hương đến đó. Đây là nơi tôi từng trao đổi những mẩu đối thoại với mẹ mà tôi không thể tiết lộ nội dung cho một người thứ ba. Trong đáy lòng mình, tôi vẫn giữ cái tình cảm là không để cho những kỷ niệm của bà bị ai đó nhờn nhờn xúc phạm, dù họ

là những người thân yêu nhất của tôi. Qua hết một con đường nhỏ, tôi đã bước vào khu vực nghĩa trang, nơi có một bức tượng Đức Mẹ dựng ở trung tâm. Xung quanh tượng là một dãy bia được sắp đặt ngay ngắn li lai, đó là nơi chôn cất những vị nữ tu đã gửi năm xương tàn trên đất Nhật. Chính giữa khu vực có những cây thánh giá màu trắng với các ngôi mộ xây bằng đá. Ánh sáng của vầng thái dương và một bầu không khí tĩnh mịch bao trùm lên trên toàn bộ khu vực.

Mộ của mẹ tôi chỉ nhỏ bé thôi. Khi nhìn những phiến đá quá đổi nhỏ nhoi ấy, lòng tôi không khỏi đau đớn. Tôi nhỏ mớ cỏ dại mọc chung quanh mộ. Trong khi làm việc, lũ côn trùng vo ve và bay chung quanh tôi. Ngoài tiếng đập cánh của chúng, hầu như không có một âm thanh nào khác.

Tôi vừa cầm gáo tưới nước lên phần mộ mẹ tôi, và cũng như mọi lần, suy nghĩ về cái cảnh hôm bà qua đời. Đó là một kỷ niệm vô cùng cay đắng đối với bản thân tôi. Bà đã bất ngờ bị nhồi máu cơ tim rồi ngã gục ngoài hành lang. Trong lúc bà thở hơi cuối cùng, tôi đã không có mặt. Tôi đang ở nhà Tamura và làm những chuyện hời ợt mà nếu mẹ tôi thấy, bà sẽ không sao cầm nổi nước mắt.

Lúc bấy giờ, Tamura đang rút ra từ ngăn kéo của nó một mớ thiệp gói trong giấy báo. Thế rồi, cũng như mọi lần, khi thăm thì chỉ vẽ cho tôi một điều gì, mặt nó lúc nào cũng nở một nụ cười tinh quái:

– Đây là thứ “xịn” không phải đồ lù xì đâu nhé bạn!

Trong bọc giấy báo ấy có đến ít nhất mười bức ảnh như vậy. Có lẽ vì nước rửa ảnh thuộc loại xấu nên màu xanh lục đã biến thành màu vàng. Ảnh có chỗ lộ ra cái thân thể đen đen của một người đàn ông và trắng trắng của một người đàn bà đang nằm chồng lên nhau. Đôi mi của người đàn bà nhú lại ra chiều khổ sở. Tôi vừa nén thở vừa lật từng cái một xem đi xem lại không biết bao lần.

– Thăng dê con. Sao, mấy coi đã sướng mắt chưa?

Bỗng có tiếng điện thoại reo. Chân ai đó đang lúp xúp chạy ra bắt máy rồi quay lại phía này. Tamura vội vàng đem mấy tấm ảnh đó nhét lại trong ngăn kéo. Có tiếng đàn bà gọi đúng tên tôi.

– Cậu mau mau mà về. Hình như mẹ cậu thành linh bị tai biến đấy.

Tamura hỏi thăm:

– Sao vậy mày?

– Tao đâu có biết.

Chính ra mắt tôi vẫn còn đang dán vào cái ngăn kéo:

– Không hiểu sao bà lại biết được là tao đang ở nhà mày?

Tôi chỉ lo mỗi việc tại sao mẹ tôi lại biết là tôi đang ở đây chứ không nghĩ gì đến căn bệnh đột biến của bà. Từ khi biết bố của Tamura đang kinh doanh một cái nhà thổ, bà đã triệt để ngăn cấm tôi đến chơi với con trai ông ta. Vả lại, mấy lúc sau này mẹ tôi thường nằm liệt giường vì những cơn đau tim, nếu bà bị đột quỵ như vậy, tất không có gì đáng lấy làm lạ. Lần trước, nhờ có một vị bác sĩ mà tôi quên tên đã kê đơn cho một loại thuốc

viên màu trắng mà bà tỉnh táo trở lại.

Tôi vẫn lững thững bước trên những con hẻm ngập nắng nằm đằng sau phố phường. Trên một miếng đất có treo bảng “Đất Bán” có những đồng sắt rỉ đang để ngổn ngang. Nằm cạnh đó là một xưởng máy trong xóm. Không hiểu trong cái xưởng đó người ta đang đập cái gì mà lại vọng ra những âm thanh đều đặn và chát chúa. Một anh đàn ông đạp xe đạp từ phía đó đến và bắt đầu đứng tiểu tiện lên đám cỏ dại đầy bụi rác mọc trên khu đất trống.



Tượng kỷ niệm đặt nơi xưa kia
người Kakure ẩn náu

Tôi vừa thấy ngôi nhà của mình hiện ra trước mắt. Không có gì khác ngày thường. Cũng như mọi hôm, cánh cửa sổ phòng tôi vẫn để mở nửa vơi. Đằng trước nhà, lũ con nít hàng xóm đang nô đùa. Mọi sự vẫn yên ổn và tôi không thấy

dấu hiệu của một biến cố nào vừa xảy ra cả. Trước gian tiền sảnh chỉ có vị linh mục của giáo phận đang đứng [Theo các truyện khác (như Bóng đổ lên đời tức Omokage) thì đó là vị linh mục người Đức Pedro Herzog, một người bạn rất thân thiết với bà mẹ của Shusaku.]:

– Mẹ của cháu... vừa mới mất lúc này.

Ông thông tin cho tôi một cách trầm tĩnh và phát âm rõ rệt từng tiếng một. Đó là giọng nói của một người muốn đè nén tình cảm đang trào dâng trong lòng. Trong câu nói ấy, ngay cả một đứa học trò trung học gốc nghèo như tôi vẫn có thể hiểu một cách rõ ràng là nó có ngầm chứa một sự mỉa mai.

Giữa gian phòng tám chiếu sâu trong nhà nơi đặt di thể của mẹ tôi, người chòm

xóm và tín hữu của giáo hội đang ngồi vây quanh và đầu cúi thấp. Không có lấy một người quay lại nhìn và cũng không ai nói câu nào với tôi. Tôi hiểu ngay là tất cả những cái lưng cứng nhắc ấy đang chĩa sự phê phán của họ vào tôi.

Mặt của mẹ tôi đã trắng bệch như sữa. Phần giữa đôi mi còn đọng lại dấu vết của sự thống khổ. Tôi thật là kẻ không biết hối cải chút vào vì ngay lúc ấy, cái chợt hiện ra trong đầu tôi là dáng dấp và biểu cảm của người đàn bà nằm trong bức ảnh tối tăm nọ. Lúc này, lần đầu tiên tôi mới ý thức được những gì mình đã làm cho tới nay và bật khóc.

Tôi vừa tưới hết nước trong thùng gỗ và đặt bó cúc vào chỗ cắm bên phiến đá ngôi mộ xong thì lũ côn trùng hồi nãy vừa vo ve quanh tôi đã bay tới bên cạnh khóm hoa. Đất nơi tôi đem chôn thân

xác của mẹ là loại đất màu đen đặc biệt của vùng bình nguyên Musashino [Musashino no kuni. Địa danh cổ của vùng đất bằng chung quanh Tôkyô]. Ngày nào đó, có lẽ rồi tôi cũng sẽ được chôn cất ở đây. Một lần nữa, giống như thời niên thiếu, hai mẹ con tôi sẽ có cơ hội hủ hỉ với nhau thôi.

✱

Ông trợ tá của anh Jirô vừa đặt câu hỏi tại sao tôi thích tìm hiểu về người Kakure như vậy và hồi nãy tôi đã đưa ra một câu trả lời cho qua chuyện.

Thực ra thì đạo này, người có hứng thú tìm hiểu về đám Kakure mỗi lúc mỗi đông thêm. Những nhà nghiên cứu về Tôn giáo học đối chiếu cho rằng câu

chuyện về họ sẽ là tài liệu quý giá khi phải bàn tới hiện tượng những tôn giáo bí mật gọi là Hắc giáo (Hidden religions). Không chỉ có NHK là đài phát sóng đã đưa những phim truyền hình nói về họ mà trong số các nhà truyền giáo ngoại quốc quen biết với tôi, khi đến Nagasaki, không ít người đã đôn đáo tìm hiểu về họ. Còn như đối với tôi thì hứng thú của việc tìm hiểu người Kakure chỉ đến từ một lý do duy nhất. Đó là việc họ vốn là con cháu của những người bội đạo (haishinsha, korobimono) [Có thể xem họ là những người (mono) sa ngã (korobu), đã phải phản bội lý tưởng để sống còn.]. Nhưng hơn thế nữa, đám con cháu này cũng như cha ông họ, đã không thể bội đạo một cách hoàn toàn. Suốt đời, họ đã phải chọn một cách sống dối trá và biết đánh lừa, sống trong hối hận đồng thời tiếp tục mang mặc cảm phạm tội

cũng như những tình cảm khuất nhục.

Kể từ lúc sử dụng bối cảnh thời đại Kirishitan làm khung cho một cuốn tiểu thuyết, tôi bắt đầu bị lôi cuốn bởi cuộc đời của đám con cháu những người bội đạo này. Họ phải nói dối với người khác, nhất định không bao giờ hé lộ điều mình thực tâm suy nghĩ, suốt đời luôn luôn sống bằng hai bộ mặt. Trong đám người Kakure sống như vậy, nhiều khi tôi cảm thấy có cả hình ảnh của mình. Cho đến nay, tôi cũng có mang những điều mình không thể thốt ra bằng lời cũng như một bí mật nào đó mà có lẽ tôi sẽ giữ rịt cho đến ngày chết.

Tối hôm ấy, tôi đã uống rượu với cha xứ, anh Jirô lẫn ông trợ tá. Hôm sau, vào giờ cơm trưa, bà nữ tu đóng vai hầu bàn đã mang tới cho chúng tôi một cái đĩa thật to sắp đầy những múi cầu gai (uni,

urchin) và bào ngư sống. Rượu nấu ở địa phương (jisake) lại quá ngọt (amakuchi) cho một người chỉ biết uống loại rượu cay (karakuchi) như tôi nên thật là tiếc. Tuy vậy cầu gai ở đây rất tươi làm cho món tôi từng nếm được ở Nagasaki hóa ra là đồ đã bị để lâu. Cơn mưa vừa tạnh nay nhỏ giọt trở lại. Anh Jirô đã say mềm, bắt đầu cất tiếng hát:

Nào, hãy đi thôi, ta hãy đi thôi.

Đến ngôi giáo đường trên cõi nước trời (Paraizo)

Ta hãy đi thôi!

Một ngôi giáo đường tiếng là rộng lớn.

Nhưng rộng hẹp mặc lòng, tại tâm ta thôi.

Tôi có biết bài hát này. Bởi vì hai năm trước, khi lên đường đi Hirado, một tín hữu ở đó đã dạy nó cho tôi. Tuy tôi vì không nắm vững nhạc điệu cho nên không nhớ được nhưng hôm nay qua tiếng ca như chất chứa nỗi niềm của anh Jirô, gương mặt u ám của những người Kakure dường như đang trôi bồng bềnh trước mắt tôi. Đó là những khuôn mặt với gò má nhô ra và hốc mắt lõm sâu, đắm đắm nhìn về một điểm nào đó. Trong thời gian bế quan tỏa cảng, có lẽ đó là những bài mà họ đã cất lên với tiếng ca nho nhỏ, mỗi mòn chờ đợi con thuyền của những nhà truyền giáo mà nhất định sẽ không bao giờ có cơ hội cập bến nữa.

– Ông Takaishi trên núi Fudô vừa chết mất con bò. Một con bò cái tốt lắm đấy!

Cha xứ không còn một vẻ gì là con người mà tôi đã gặp trong buổi tiếp tân trên Tôkyô. Chỉ cần một be sake nhỏ là ông đã đổ rục từ đầu đến cổ và nay ông đang ngồi trò chuyện với ông trợ tá Nakamura. Hôm nay trọn một ngày, hình như cả đức cha lẫn anh Jirô đều đã vứt bỏ cái nhìn xem tôi như một người xa lạ. Tự nhiên, tôi đâm ra có cảm tình tốt đẹp với cái ông cha xứ mà giống như một anh nông dân và hoàn toàn khác với các vị chức sắc nhà dòng tính tình kênh kiệu ở Tôkyô.

– Thưa cha, trên núi Fudô có người Kakure sống không ạ?

– Không đâu thầy! Ở đó tất cả đều là tin đồ thuộc giáo phận của tôi.

Cha xứ trả lời với một vẻ tự hào. Cả anh Jirô lẫn ông trợ tá đều gật đầu một

cách trình trọng để tán thành câu nói. Đây là chuyện tôi mới nghĩ ra từ hồi sáng nhưng đúng là hai người này đều có mang tình cảm khinh miệt đối với cộng đồng Kakure. Họ giống như hai kẻ đứng trên cao nhìn xuống.

– Biết làm sao bây giờ hở thầy. Mấy người đó không có điểm chung nào với chúng tôi. Họ hành động như thành viên của một hội kín.

Tuy nhiên, tôi thấy người Kakure ở các đảo như Goto hay Ikitsuki đã có thái độ bít khép kín so với những đồng bọn của họ đang sống trên hòn đảo này. Ở đây, ngay những tin đồn Cơ Đốc cũng cảnh giác về chủ nghĩa bí mật của người Kakure. Tuy vậy, tôi biết cả Jirô-san và Nakamura-san đều có mang phần nào dòng máu Kakure từ tổ tiên của họ nhưng lại lấy làm quái là bây giờ, họ không hề

tỏ ra một thái độ châm chọc nào đối với quá khứ của mình.

– Này, các ông, họ thờ ai thế nhỉ?

– Thờ ai à? Có thờ chứ! Nhưng họ hoàn toàn không còn là tín đồ Cơ Đốc chính tông nữa.

Như vừa bị dồn vào thế khó, cha xứ đành thở dài đánh sượt rồi nói tiếp:.

– Một hình thức mê tín dị đoan thôi!

Tôi lại được nghe thêm một câu chuyện thú vị. Hình như là trong khi tín đồ Cơ Đốc Giáo (Catholics) mừng các lễ Giáng Sinh và Phục Sinh theo Tây Lịch thì người Kakure lại âm thầm tổ chức các lễ ấy theo Âm Lịch.

– À, có hôm khi tôi leo núi, tình cờ thấy người Kakure đang tụ tập. Về sau

mới hay là hôm đó họ đã lén lút cử hành lễ Phục Sinh.

Sau khi anh Jirô và ông Nakamura rời đi, tôi đã trở về phòng. Có lẽ vì uống rượu, đầu tôi nóng bừng nên phải mở cửa sổ và thấy bên ngoài có tiếng sóng kêu to như ai đang đánh trống. Bóng tối vừa sâu thẳm vừa trải rộng. Tôi nghĩ là những âm thanh của biển cả đã làm cho bóng tối và sự tĩnh mịch ở đây càng sâu thêm. Cho đến nay tôi đã ngủ trọ ở nhiều nơi nhưng chưa bao giờ đứng trước một bóng đêm sâu không thấy đáy như ở đây.



Di tích nhà thờ thời Kirishitan với phong cách kiến trúc hỗn hợp Âu Á

Cảm giác trong lòng tôi bỗng dạt dào khi nghĩ đến những người Kakure từ bao nhiêu năm tháng từng nghe tiếng sóng này và nhìn bóng đêm đen như tôi hôm nay. Họ là con cháu của những kẻ sa ngã đã vứt bỏ tôn giáo của mình chỉ vì sự yếu đuối của xác thịt và nỗi sợ hãi khi đứng trước cái chết. Bị đám sai nha

và tín đồ Phật giáo khinh miệt, họ phải dời nhà qua quần đảo Goto, Ikitsuki hay ra tận hòn đảo này để sống. Ấy thế mà họ không thể nào bỏ được giáo nghĩa tổ tiên đã dạy. Dù sao, nói cho công bằng, họ cũng không đủ can đảm đứng ra hiên ngang bảo vệ niềm tin tôn giáo của cha ông như các vị tử đạo đời xưa. Người Kakure chỉ biết cắn răng nén lấy nỗi hổ thẹn đó vào lòng để kéo dài sự sống cho đến ngày nay.

Gò má nhô cao, cặp mắt lõm sâu với cái nhìn lúc nào cũng như qui về một chỗ, những đặc điểm thấy trên khuôn mặt họ là do nỗi hổ thẹn thâm niên đó tạo thành qua thời gian. Cả bốn, năm người cư dân bản địa đi chung chuyến phà với tôi hôm qua, cả anh Jirô lẫn ông Nakamura, trợ tá của anh, đều có chung một khuôn mặt. Và trên khuôn mặt đó,

lắm lúc tôi thấy phảng phất một vẻ trí trá lẫn nhút nhát chen vào.

Tổ chức của người Kakure ở vùng Goto và Ikitsuki so với nơi đây lại có đôi chỗ khác nhau. Người đóng vai cha xứ có chức danh là Hariyaku (Người canh phòng) và còn được gọi là Yajiyaku (Ông trùm họ). Tất cả nhóm Kakure đã nhận bài cầu nguyện (Oratio) từ Ông trùm đó rồi giữ gìn cẩn thận và đem ra truyền lại cho thế hệ sau vào những dịp tế lễ quan trọng. Người phụ trách tẩy lễ (phép báp-têm) cho những đứa trẻ sơ sinh là cái ông lo việc nước nôi, tắm tấp (Mizukata, Người lo nước). Tùy theo vùng mà Yajikata có thể kiêm nhiệm luôn chức Hariyaku hay không. Ngoài ra, phần lớn những người mang chức phận này đã truyền nó lại cho con cháu của họ theo kiểu thế tập. Có khi chỉ cần năm họ là

có thể làm thành một tổ chức như vậy và thí dụ này tôi đã từng được thấy ở địa phương Ikitsuki.

Khi đứng trước mặt đám nha lại, dĩ nhiên là người Kakure thường đội lốt tín đồ Phật giáo. Họ cũng ghi danh trên danh bạ (gọi là Shuumonchô, là những phép tắc thời Edo đặt ra để Mạc phủ kiểm soát hành vi dân chúng) ở một ngôi chùa họ được chính quyền chỉ định phải qui thuộc (gọi là Dannadera). Có những thời kỳ - giống như tổ tiên - họ đã phải đưa chân dẫm lên thánh giá (fumie) trước mặt đám nha lại. Hôm bị bắt buộc làm hành động ấy, khi quay về xóm, họ đã căn rằng tự trừng phạt cái tội hèn nhát và đáng khinh của mình bằng cách dùng một món đồ bằng thùng tên là O-tenpensha mà họ tự bện lấy để quất lên người. Tên O-tenpensha vốn đến từ

Teshiperina trong tiếng Bồ Đào Nha có nghĩa là cái roi (muchí). Hồi ở Tôkyô, khi đến nhà của một học giả chuyên môn nghiên cứu về người Kirishitan, tôi đã có dịp nhìn thấy cái roi O-tenpensha ấy. Đó là một bó giây thùng gồm 46 sợi. Trên thực tế, khi thử đánh vào cổ tay mình, tôi thấy nó cũng đau ra phết. Nhưng người Kakure còn dùng nó để đánh cả lên người cơ.

Tuy vậy, sự tự trừng phạt đó không đủ để làm họ hết bị giày vò bởi mặc cảm phạm tội. Sự nhục nhã và bất an của một kẻ phản bội không dễ gì biến mất.

Những đôi mắt của bạn bè đã tử đạo cũng như của các nhà truyền giáo từng buông lời trách mắng nghiêm khắc vẫn còn nhìn họ đăm đăm từ một chốn xa xôi nào đó. Dù muốn đuổi cho được những ánh mắt chê cười ấy, họ cũng không thể

làm. Vì vậy, nội dung bài cầu kinh (Oratio) của họ có những đoạn không giống những gì thấy trong bản dịch lời cầu kinh của Cơ Đốc Giáo hiện đang lưu hành bởi vì nó chỉ là một chuỗi câu chữ đặt bên nhau một cách không rõ ràng nhưng phảng phất một nỗi buồn, và sau rốt là những lời cầu xin được tha thứ. Nó đã ra đời từ những lời cầu nguyện thì thâm chất đầy tủi hổ của nhóm người Kakure vì mù chữ đã phải lúng búng phát âm từng tiếng một. “Thánh mẫu Maria, Mẹ của Chúa, xin hãy tha thứ cho chúng con là kẻ có tội... hôm nay cũng như trong giờ lâm tử...” “Chúng con đang cầu xin Mẹ, đang khóc lóc thở than trong thung lũng đầy nước mắt này... Mẹ hãy đoái hoài tới chúng con và nhìn chúng con bằng đôi mắt đầy thương xót của ngài”.

Trong bóng đêm, khi lắng nghe tiếng sóng vỗ ì ầm, trong lòng tôi bỗng hiện ra hình ảnh những người Kakure mà có thể là mỗi ngày sau khi xong công việc đồng áng hay ra biển về nhà đã thì thầm khẩn khứa những lời được chép trong phiên bản Oratio ấy. Họ chỉ còn biết mong chờ vị thánh mẫu sẽ chấp nhận những lời cầu xin và tha thứ cho những yếu đuối ươn hèn của thân xác họ. Nhưng vì sao thế? Chỉ vì đối với người Kakure, Đức Chúa Trời (Deus) là một hiện hữu giống như vị cha nghiêm khắc nên họ phải hướng những lời cầu xin ấy về phía Đức Mẹ (Santa Maria) vì người là một bà mẹ. Và nó đã làm cho tôi nghĩ là nếu tín ngưỡng Maria mạnh mẽ đến như vậy và nếu họ lại đặc biệt sùng bái Maria - Quan Âm, chắc hai việc ấy chỉ có thể đến từ lý do trên.

Tôi trở vào giường nằm nhưng không thấy buồn ngủ. Cuộn mình trong lớp chăn mỏng, tôi định cất tiếng hát nho nhỏ bài ca hồi nãy anh Jirô vừa mới dạy cho nhưng vô ích vì không còn nhớ được chữ nào cả.

✱

Tôi nằm chiêm bao. Trong giấc mơ, hình như đó là lúc tôi vừa được giải phẫu xong và người ta mới chuyển tôi về phòng, Họ đặt tôi lên giường nằm như một cái thây chết. Họ thông lỗ mũi tôi với cái bình chứa dưỡng khí bằng một ống cao su. Cả cánh tay mặt lẫn chân mặt của tôi đều có kim đâm vào. Lý do là bên giường của tôi có treo một bình dung dịch huyết và người ta đang truyền máu cho tôi. Dù tôi chỉ ý thức có phân

nửa thôi nhưng vẫn biết cái bóng mờ mờ xam xám đang nắm lấy tay tôi là ai. Đó là mẹ tôi. Ngoài mẹ tôi ra, không thể có ai khác. Lúc đó, trong phòng bệnh không thấy bóng một bác sĩ, ngay cả vợ tôi cũng không có mặt.

Mẹ không chỉ hiện ra cho tôi trong những giấc chiêm bao mà thôi. Khi leo lên cầu vượt để băng qua đường một buổi chiều tối, bất chợt tôi nhìn thấy hình ảnh mẹ hiện ra trên khung trời mây giăng. Đang trò chuyện với mấy người con gái trong quán rượu, lúc câu chuyện nửa chừng đứt quãng và cảm thấy có một sự trống vắng vô nghĩa băng ngang qua lòng mình, đột nhiên tôi ý thức sự hiện diện của mẹ ở bên cạnh. Ngay cả giữa đêm khuya, khi đang gò lưng trên bàn làm việc, tôi bỗng có linh cảm là bà đang đứng đằng sau. Hình như bà đang theo

dõi chuyển động của ngòi bút tôi viết từ phía sau lưng. Thực ra mỗi khi ngòi vào bàn viết, dĩ nhiên tôi tuyệt đối không để cho con trai mình cũng như bà vợ bước vào thư trai. Thế mà, kỳ lạ thay, nếu như mẹ tôi có đó, tôi sẽ không xem bà là kẻ quấy rầy và cũng không hề cảm thấy bực bội.

Vào những lúc ấy, hình ảnh của mẹ tôi không phải là một người đã liên tục kéo cây mã vĩ để cố sức đi tìm một âm tố mà mình mong muốn và cũng không phải là người nữ tín đồ đã bắt chuyến xe điện Hankyuu đầu tiên trong ngày rồi ngồi chân chỉ lẩn chuối mân côi trong một góc toa. Tôi chỉ thấy hình bóng một người đàn bà chấp hai tay trước mặt, đưa cặp mắt từ phía sau lưng và gửi đến tôi một cái nhìn thoáng chút buồn bã.

Giống như hạt trần châu dần dần

kết tụ trong một cái vỏ trai, nhất định là hình ảnh những bà mẹ không biết lúc tự nào đã thành hình trong tâm khảm tôi theo cùng một qui trình. Lý do là người mẹ đã nhìn tôi với đôi mắt mệt mỏi lại động chút buồn thương ấy chưa bao giờ là một hiện thực đến từ ký ức của tôi.

Nói về xuất xứ của hình ảnh đó thì giờ đây tôi đã hiểu. Thì ra nó vốn trùng lặp với khuôn mặt thấy trên pho tượng “Đức Mẹ Thương Khó” (Mater Dolorosa) ngày xưa mẹ tôi thường mang theo người.

Sau khi mẹ tôi qua đời, những vật bà sở hữu cũng như các tấm áo kimono và dải lưng obi dần dần đã bị người ta lấy đi hết. Với danh nghĩa là “chia sẻ kỷ vật của người quá cố” (katamiwake), trước mắt đứa học sinh trung học là tôi, các bà cô của tôi đã đến cho tay vào trong các

ngăn kéo và lật lên lật xuống chẳng khác nào lúc họ đang đi lựa hàng ngoài cửa hiệu bách hóa. Dù vậy, họ đã không để mắt đến những món đồ mà mẹ tôi trân quý nhất như cây đàn vĩ cầm cũ kỹ, cuốn kinh cầu nguyện bà đã dùng đến long gáy cũng như chuỗi mân côi mà sợi giây bằng kim loại để nối các hạt hầu như sắp đứt. Thế rồi trong đồng mấy món đồ các cô tôi định đem đi vứt lại có cả pho tượng “Đức Mẹ Thương Khó” (Mater Dolorosa) là cái vật giá rẻ mạt mà bất cứ giáo hội nào cũng đem bày bán.

Phần tôi thì sau khi mẹ mất, bức tượng đó là di vật quan trọng nhất trong số những di vật mà tôi đã thu vào trong hộp và đem theo người mỗi khi đổi nhà trọ hay thay chỗ ở. Cuối cùng chiếc vĩ cầm đã đứt dây và mang đầy vết nứt. Cuốn kinh cầu nguyện cũng rách cả bìa.

Còn như bức tượng Đức Mẹ thì đã bị cháy trong một cuộc oanh kích vào mùa đông năm Shôwa thứ 20 (1945).

Buổi sáng hôm sau trận oanh kích, bầu trời thật trong xanh nhưng suốt một dải từ Yotsuya cho đến Shinjuku, chỉ thấy một vùng rộng lớn phủ màu nâu sậm, dấu tích của trận dội bom. Khắp nơi đều thấy tro than còn nghi ngút khói. Tôi co chân ngồi xuống nơi có dấu tích của ngôi nhà trọ ở Yotsuya, lấy một que gỗ cào đồng tro tàn để tìm kiếm nhưng chỉ bới ra được dăm mảnh vỡ của bộ ấm chén uống trà và cái xác quyển từ điển còn sót vài trang. Khi cố cời thêm thì từ đồng tro than đang cháy dở, tôi bỗng cảm thấy mình đang đụng vào một vật cứng cứng. Thì ra đó là pho tượng Đức Mẹ nhưng chỉ có phân nửa thân trên. Chất thạch cao đã hoàn toàn đổi sắc, khuôn mặt

trước đây có những nét bình thường nay đã trở nên xấu xí. Từ dạo đó trở đi, theo thời gian, đường nét mặt mũi của tượng cũng đã phai mờ. Sau khi kết hôn, có lần vợ tôi tuột tay đánh rơi nó và đã phải dùng keo gắn lại. Chẳng biết có phải vì lý do đó hay không mà pho tượng không còn lộ ra biểu cảm gì nữa.

Khi nhập viện, tôi vẫn đặt pho tượng ấy trong phòng bệnh. Sau lần giải phẫu thất bại và phải nằm lại bệnh viện đến năm thứ hai, cả tinh thần lẫn vật chất của tôi đã đi đến chỗ cùng quẫn. Các bác sĩ xem chừng hết hy vọng cứu chữa, còn về phía tôi thì tài chánh đã lâm vào thế kẹt.

Đêm hôm, dưới ánh đèn mờ, tôi lặng ngắm pho tượng Đức Mẹ đặt ở đầu giường. Không hiểu vì sao mà tôi thấy khuôn mặt ấy có vẻ buồn bã và đang

chăm chú nhìn mình. Vẽ mặt ấy cho đến nay thì dù đã được xem nhiều tác phẩm Đức Mẹ của hội họa và điêu khắc Tây phương, tôi vẫn thấy nó hoàn toàn khác với chúng. Bị hư hại gây ra bởi trận không kích và ảnh hưởng của dòng thời gian, khuôn mặt đã khuyết mất cả mũi kia chỉ còn lưu lại một cái gì và đó là một thoáng buồn bã. Trong thời gian lưu học ở Pháp, tôi đã bao lần được ngắm những bức tượng hay bức họa với đề tài Đức Mẹ Thương Khó (Mater Dolorosa). Dĩ nhiên bức tượng kỷ vật của mẹ tôi vì trận không kích và sự xoi mòn của tháng năm đã mất đi biểu cảm của bức tranh mẫu. Còn sót lại nơi nó chỉ là một thoáng u buồn mà thôi.

Có lẽ là không biết tự lúc nào, tôi đã đồng hóa tình cảm từng bộc lộ trên khuôn mặt của mẹ mình với biểu cảm

của bức tượng đó để rồi chúng trở thành một. Nhiều khi tôi thấy khuôn mặt của bức tượng mang hình ảnh mẹ tôi lúc bà chết. Lúc được đặt nằm trên tấm nệm giường, vẻ đau khổ hãy còn đọng lại ở khoảng cách giữa đôi mi. Tôi hãy còn nhớ một cách rõ ràng khuôn mặt của bà sau khi chết là thế đấy.

Tôi ít khi kể cho vợ tôi nghe về việc mẹ đã hiện ra cho tôi. Có một lần, khi tôi thốt ra chuyện đó, vợ tôi nói một hai câu gì đó nhưng chắc chắn là những câu nói ấy đã xuất phát từ một tình cảm không mấy thoải mái.

✱

Sương mù đã vừng lên khắp trời.

Nhân nghe tiếng quạ kêu trong vùng

sương mù đó, tôi biết rằng mình đã tiến gần đến thôn xóm. Đối với một người có một lượng khí thở trong phổi giới hạn như tôi, để đến được đây, thật tôi đã chịu lắm gian nan. Không những phải vượt con đường núi với những cái dốc khá đứng mà thêm vào đó, đôi ủng cao su anh Jirô cho mượn lại hay làm trượt chân khi gặp phải một đoạn đường đất sét trơn trượt như thế này, nên tôi đành im hơi lặng tiếng.

– Như thế này là còn khá đó, Sensei!

Ông trợ tá Nakamura nói như phân bua với tôi.

– Xưa kia vẫn có sương mù dày không thấy đường như hôm nay nhưng lúc đó độc chỉ có một con đường mòn trên núi ở phía Nam. Nghe nói là mỗi lần muốn đi đến thôn (buraku) [Có lẽ từ buraku ở

đây không dùng với nghĩa đơn vị hành chính như thôn ấp nhưng với cái nghĩa xã hội là một nhóm người sống cô lập và bị kỳ thị.] này, phải mất cả nửa ngày trời. Mấy người Kakure khi chọn một nơi hiểm trở để sinh sống cũng đã tỏ ra khôn ngoan lắm đấy. Như vậy mới tránh được tai mắt của sai nha.

Hai bên đường là những đám ruộng hình bậc thang. Bóng đèn đen của những ngọn núi đang lơ mờ ẩn hiện sau lớp sương mù dày. Tiếng quạ giờ đây lại to hơn hồi nãy. Tôi bỗng nhớ ra là hôm qua ở trên đỉnh Nham Đảo mình cũng đã thấy có nhiều đàn quạ lượn vòng.

Trên cánh đồng, hai người có vẻ là mẹ con đang làm việc. Khi ông Nakamura cất tiếng gọi, bà mẹ liền kéo cái khăn đang che mặt xuống và cúi đầu chào một cách kính cẩn.

– Nhà ông Kawahara Kikuchi có phải nằm ở quãng dưới này không hở? Có Sensei trên Tôkyô xuống đây muốn gặp ông để hỏi thăm đấy!

Đứa con của bà đưa mắt nhìn tôi như một vật lạ nhưng bị mẹ mắng cho nên đã chạy vào trong cánh đồng.

Ông trợ tá Nakamura rất biết xã giao nên đã mua sẵn một ít rượu sake ở ngoài phố đem đến làm quà. Suốt chặng đường, anh Jirô đã đảm trách việc xách nó nhưng khi bước vào thôn thì tôi đã nhận lại và ôm theo cái bình đựng một thăng (= đấu) rượu ấy. Đầu thôn đã nghe vọng ra tiếng ra-đi-ô đang phát mấy bài tân nhạc cải cách. Trong nhà kho của vài ngôi nhà, tôi còn thấy họ để cả xe gắn máy.

- Đám trẻ trong thôn này đã bỏ xứ đi hết.
- Ra ngoài phố à?
- Không, nhiều đứa đến tận mấy hải cảng như Sasebo hay Hirado để kiếm việc. Trên hòn đảo này, đã mang tiếng là con cái gia đình Kakure, không ai thèm muốn đâu.



Hậu duệ người Kakure (nguồn AFP)

Lũ quạ không biết còn đuổi theo nhau đến tận đâu. Lần này, chúng lại tìm đến đậu trên một nóc tranh và cất tiếng kêu inh ỏi. Làm như thế chúng muốn báo cho người sống trong nhà phải coi chừng vì có những kẻ lạ mặt như chúng tôi đang tìm đến.

Ngôi nhà của ông Kawahara coi bộ lớn hơn mấy nhà khác một tí, mái lại lợp ngói, đằng sau lưng lại có một cây long não cổ thụ. Tôi biết ngay ông Kawahara phải là một người chức phận cỡ Yajiyaku (ông Trùm họ), tóm lại là ông đóng vai một cha xứ trong cộng đồng này.

Ông Nakamura để tôi đứng đợi bên ngoài một lúc và vào trong thương lượng với gia đình chủ nhà. Đứa trẻ hồi nãy thấy ngoài đồng đang cho tay dứt vào trong

giữ cái quần cho khỏi tụt, từ xa đưa mắt nhìn chúng tôi. Tôi để ý thấy đôi chân trần của nó hãy còn lem luốc bùn đất. Một lần nữa, đàn quạ lại tiếp tục kêu.

– Chán quá nhỉ. Làm như họ không thích tiếp mình!

– Ồ, lo gì! Thầy cứ để mặc ông trợ tá. Bác Nakamura ấy nói là xong ngay mà.

Được anh lên tiếng Jirô trấn an, tôi thấy vững tâm hơn.

Cuối cùng, cuộc thương lượng đã ngã ngũ và bọn chúng tôi được đưa vào một căn buồng với nền đất nện (doma). Từ phía sâu trong bóng tối, có bóng một người đàn bà đang nhìn về phía chúng tôi. Tôi biếu họ cái bình đựng một thăng rượu sake đem theo để làm lễ ra mắt nhưng phía bên kia chẳng thèm đáp lại câu nào.

Căn phòng hết sức tối. Tuy hôm nay trời xấu nhưng tôi nghĩ là ngay một hôm đẹp trời, nơi đây chắc cũng chẳng sáng sủa hơn bao nhiêu. Thế rồi trong phòng lại có một mùi hôi hám thật đặc biệt đang bốc lên mũi.

Người tên Kawahara Kikuichi là một ông già tuổi độ sáu mươi. Ông ta không chịu ngó thẳng vào mặt tôi. Dù đang lên tiếng trả lời tôi, ông đôi mắt đầy vẻ sợ hãi của ông cứ dán chặt vào một nơi nào đó trong không gian. Ngay câu trả lời của ông cũng ngắn cùn. Tôi có cảm tưởng ông đang muốn chúng tôi ra về cho chóng. Giữa khi câu chuyện của hai bên bị ngắt ngang bằng những khoảnh khắc im lặng, tôi đã đảo mắt quan sát những nơi trong gian buồng đất nện từ cái cối đá, manh chiếu cho đến mấy bó rơm. Ý tôi là muốn dò xem cây trượng

tùy thân một chức sắc Yajiyaku và bài vị thần Nandogami của người Kakure đang được cất giữ ở đâu?

Cây trượng Yajiyaku thì chỉ có người lãnh chức Yajiyaku (Già làng hay Trùm họ) mới được quyền mang theo. Lúc đi chủ trì lễ rửa tội (báp-têm) thì cây trượng ấy phải là cây trượng làm bằng gỗ sồi (kashi), còn khi đến nhà ai để đuổi tà khi phải dùng cây trượng bằng gỗ cây dâu bạc (gumi, silverberry) nhưng nhất quyết là họ không dùng trượng làm bằng tre trúc. Rõ ràng về việc sử dụng trượng, người đời sau vẫn bắt chước thói quen các cha xứ có từ thời đại Kirishitan [Ý nói thời các giáo sĩ Tây phương mới đến truyền giáo.].

Tuy tôi đã hết sức chú ý nhưng dĩ nhiên là tôi chẳng thấy chỗ họ cất dấu cây trượng và bài vị thần Nandoga-

mi ở đâu. Mãi sau tôi mới được họ cho nghe bài khẩn nguyện Orasho (Oratio) nhưng nội dung bài của họ và những bài khác mà tôi đã được nghe những người Kakure khác tụng niệm cũng na ná như nhau. Nói chung chúng đều là những lời lẽ van xin tha thứ và lúc nào cũng đượm một nỗi buồn.

“Chúng con van xin ... trong khi đang than khóc và rên siết trong thung lũng đầy nước mắt này”. Khi bắt đầu lời nguyện, mắt của ông Kikuichi đã đăm đăm nhìn vào khoảng hư không. “Xin hãy tha thứ cho chúng con và hãy nhìn chúng con với cái nhìn đầy thương xót của ngài”. Tôi chợt thấy nó giống như khúc ca truyền miệng (mawashibushi) mà anh Jirô đã hát trong buổi tối trước đây, nghĩa là một chuỗi câu chữ ghép lại một cách vụng về nhưng đang muốn bày

tỏ nỗi lòng mình cho một Đấng cao xa nào đó.

“Than khóc và rên siết...trong thung lũng đầy nước mắt này...”

Tôi lẩm bẩm lặp lại lời của ông Kikuichi như muốn ghi lại tất cả những lời ấy vào ký ức.

– Xin tha thứ cho chúng con...

– Xin tha thứ cho chúng con...

– Và hãy nhìn chúng con với cái nhìn đầy thương xót của ngài

– Và hãy nhìn chúng con với cái nhìn đầy thương xót của ngài.

Trong chốn sâu thẳm của đầu óc tôi hiện ra hình ảnh của những người Kakure bị cưỡng bách kiểm tra bằng cách bắt dẫm lên thánh giá. Sau lúc phải làm

chuyện ấy, trong đêm trở về thôn xóm, mỗi người đều đã cất tiếng đọc lời cầu xin đó trong những ngôi nhà tối tăm như thế này. “Xin tha thứ cho chúng con... Xin hãy nhìn chúng con với cái nhìn đầy thương xót của ngài!”

Đàn quạ đang kêu. Chúng tôi giữ nguyên sự im lặng trong một lúc lâu, mắt nhìn ra ngoài hiên, nơi một lớp sương mù đang bỗng bành kéo tới. Có lẽ vì trời vừa nổi gió nên lớp sương mù trắng như sữa ấy đã đến đây với một tốc độ khá nhanh.

– Ông chủ nhà... có thể nào cho chúng tôi xem Nandogami (Thần Chủ, Thần Nhà Kho) không ạ?

Tôi ngượng ngập thốt ra mấy câu nhờ vả đó nhưng ông Kikuichi vẫn đưa mắt nhìn vào không gian và chẳng lên

tiếng trả lời. Nondagami (Nạp Hộ Thần) hoàn toàn không phải là một thuật ngữ Kirishitan nhưng nó có ý nghĩa là vị thần được thờ trong nhà kho (nạp hộ). Bởi lẽ giữa người Kakure với nhau, họ muốn lễ bái vị thần của mình trong gian nhà kho tức một nơi không ai thể chỗ mắt vào. Còn như đối với bên ngoài thì qua cách gọi đặc biệt ấy, họ có thể đánh lừa được đám sai nha. Thế rồi, tuy ngày nay tín ngưỡng Nandogami đã được mọi người công khai thừa nhận, người Kakure vẫn không muốn cho người khác đạo (zen-cho, gentio) [Dị giáo đồ. Âm chỉ người không cùng tôn giáo với họ. Tiếng Bồ Đào Nha là Gentio.] xem thực thể của thần. Không ít tín hữu Kakure tin rằng nếu họ đem nó cho người ngoại đạo xem thì hình ảnh vị thần Nandogami sẽ bị ô uế.

Ông Nakamura lại mạnh miệng nói giúp tôi:

– Sensei từ trên Tôkyô xuống đây chỉ vì mục đích này thôi đó! Ông cho thầy ấy xem chút đi.

Ông Kikuichi lúc ấy mới chịu nhắc mông lên.

Sau đó, vừa lúc chúng tôi đi xuyên qua gian phòng nền đất nện để vào bên trong, tôi lại thấy ánh mắt của người đàn bà khi nãy. Từ trong bóng tối, bà vẫn còn nhìn chăm chú vào chúng tôi với một cái nhìn khó thể nói là bình thường.

– Thầy để ý cho.

Khi sắp đi ngang qua cánh cửa để vào bên trong nhà kho thì từ đằng sau lưng có tiếng anh Jirô dặn dò tôi phải coi chừng vì nếu tôi không khom mình

sẽ bị va đầu. So với gian phòng đất nện thì nhà kho là một khoảng không gian nhờ nhờ tối và chật hẹp hơn, ngai ngái cái mùi sống sít của rơm rạ và khoai tây. Phần chính giữa phía bên kia có đặt một cái ban thờ Phật nhỏ với dăm ba ngọn nến. Chắc đây chỉ là những món đồ họ dùng để ngụ trang. Ánh mắt của ông Kikuichi hướng về một điểm cao bên tay trái. Phương hướng của ánh mắt ấy là hai tấm rèm màu vàng đang buông lửng, nơi mà khi mới bước vào phòng tôi đã để ý ngay. Trên cái kệ có đặt bánh gạo nếp (mochi), một bình con màu trắng để đựng rượu lễ (miki). Khi ông Kikuichi đưa bàn tay đầy nét nhăn nheo chậm rãi vén tấm rèm ấy lên thì bộ phận của một bức liễn (kakejiku) màu nâu đất bắt đầu hé lộ. Đằng sau lưng tôi có tiếng anh Jirô thở dài và thốt lên:

– Tranh thôi à?

Đó là một bức tranh Đức Mẹ đang bế Chúa Hài Đồng. Không, đúng ra đó là tranh vẽ một bà nông dân đang cho con mình bú. Bộ đồ đứa trẻ đang mặc được tô một màu lam nhạt trong khi áo xống của bà mẹ lại là màu nâu đất. Cứ nhìn sự vụng về của cả nét vẽ lẫn màu sắc được tô lên đó thì hiểu ngay rằng đây là một bức tranh do một người Kakure nào đó vẽ ra từ lâu lắm rồi. Bộ ngực của bà nông dân để trần, bầu vú đang lộ ra. Giải dây áo lại buộc ở đằng trước, không khác gì y phục của phụ nữ khi ra làm việc ngoài đồng (noragi). Khuôn mặt của nhân vật là khuôn mặt của một phụ nữ có thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào trên hòn đảo này. Đó là khuôn mặt của một bà mẹ vừa để cho đứa con sơ sinh bú sữa, vừa tiếp tục công việc đồng áng hay đang mạng lại

một tấm lưới đánh cá. Bất chợt tôi nhớ lại người bà mẹ nhà quê hồi nãy đã gỡ cái khăn che mặt để cúi đầu chào ông trợ tá Nakamura. Trong khi Jirô-san nở một nụ cười ngán ngẩm thì ông Nakamura vẫn giữa một bộ mặt thản nhiên nhưng tôi nghĩ đó chỉ là bề ngoài chứ biết đâu trong bụng, ông chẳng cười thầm!

Dù vậy, không hiểu tại sao mắt tôi vẫn không thể rời khỏi tấm tranh bà mẹ được vẽ bởi một bàn tay vụng về như vậy. Những người Kakure này đã chấp hai bàn tay xương xẩu của họ trước bức tranh này để cầu xin sự tha thứ. Tự nhiên trong lòng tôi dậy lên một niềm cảm khái và tôi tự hỏi không biết tâm sự của họ có giống tôi không? Cái giáo lý dựa trên sự uy nghiêm của người cha mà các giáo sĩ đã vượt vạn dặm ba đào đến đây rao giảng thì từ ngày các vị ấy

bị chính quyền trục xuất và hội thánh suy sụp, trong bao nhiêu tháng năm dài, nó đã bị người Kakure Nhật Bản loại bỏ một số bộ phận mà họ thấy mình không đương nổi. Dần dần cái giáo nghĩa tập trung vào việc sùng bái Đức Chúa Cha đã được thay thế bằng giáo nghĩa ngưỡng mộ Đức Mẹ, một sự ngưỡng mộ đã có mặt trong bất cứ nền tảng tôn giáo nào ở Nhật Bản. Những lúc suy nghĩ như vậy, tôi lại liên tưởng đến bà mẹ của tôi và thấy như có cái bóng xám xám của bà đang hiện ra bên cạnh. Không phải hình ảnh một bà mẹ tay dạo đàn vĩ cầm, cũng không phải là hình ảnh một bà mẹ chăm chú lần chuỗi hạt mân côi, nhưng đó là một bà mẹ đang chấp hai tay trước ngực và nhìn tôi với đôi mắt đượm chút sầu thương.

Khi vừa rời thôn thì sương mù đã tách ra nên chúng tôi đã có thể thấy mặt biển đen ở đằng xa. Hình như biển hôm nay cũng còn động và đang dậy sóng. Tôi không nhìn thấy Nham Đảo, nơi chúng tôi vừa đến viếng hôm qua. Bên dưới thung lũng, hình như sương mù lại dày thêm, có tiếng quạ kêu từ những lùm cây lờ mờ ẩn hiện làm tôi không biết nó đã vọng đến từ phía nào. “Trong thung lũng đầy nước mắt...Xin hãy đoái hoài đến chúng con... Hãy nhìn chúng con với đôi mắt đầy thương xót của ngài...” Trong lòng, tôi đang thì thầm đọc lại những lời cầu kinh Orasho (Oratio) của người Kakure mà tôi vừa học được từ ông Kikuchi.

– Bọn họ khủng hết cỡ. Sao lại đưa cho mình xem ba món đồ đó? Chắc Sensei-sama phải thất vọng lắm nhỉ?

Lúc ra khỏi xóm, dù chẳng ai trách cứ, anh Jirô vẫn nghĩ mình là người phải nhận trách nhiệm nên đã năm lần bảy lượt xin lỗi tôi. Còn như ông trợ tá Nakamura thì đang đi đằng trước chúng tôi. Ông chống một cây gậy không biết vừa nhặt được đâu giữa đường, cứ bước mà không nói không rằng. Nhìn cái sống lưng cứng nhắc của ông, thật tình tôi không rõ là ông đang nghĩ ngợi điều gì.

Dịch ngày 28/1/2024

Thư mục tham khảo:

Endo Shusaku, *Haha naru mono* (Những bà mẹ), trong Toàn tập Endo Shusaku (Endo Shusaku Zenshuu), nhà xuất bản Shinchô, Tôkyô, 1999, quyển

8/15, từ trang 33 đến 56. Nguyên tác Nhật ngữ.

Endo Shusaku, Haha naru mono, Van C. Gessel dịch sang tiếng Anh thành Mothers, in trong Tuyển tập truyện dịch Stained Glass Elegies, do A New Direction Paperbook, USA, xuất bản năm 1990. Từ trang 108 đến 135. Bản ngoại văn tham chiếu.

